

**DANH SÁCH HỌC BỔNG**  
**Học Kỳ 1 - Năm Học 2025 - 2026**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4813 /QĐ-ĐHCT, ngày 02 / 10 /2025)*

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên               | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|-------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>1. Lớp: DA2266A1</b>                           |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202230 | Nguyễn Văn Hiền         | 13          | 91      | 3.63    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2202266 | Huỳnh Thị Như Ý         | 12          | 82      | 3.92    | Giỏi              | 8.160.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>17.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.496.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>2. Lớp: DA2266A2</b>                           |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202271 | Nguyễn Thị Hồng Chúc    | 12          | 99      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2202295 | Thạch Sang              | 12          | 92      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>19.040.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.760.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>3. Lớp: DA2266T1</b>                           |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202320 | Lê Quang Hào            | 15          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>13.090.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.700.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>4. Lớp: DA2266T2</b>                           |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202354 | Phạm Thị Diễm Quỳnh     | 12          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2202372 | Lê Khánh Văn            | 14          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>5. Lớp: DA2308A1</b>                           |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2300060 | Phan Thành Hà           | 16          | 95      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2300071 | Lê Võ Đình Khuê         | 16          | 91      | 3.81    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2300100 | Lê Trần Diễm Quỳnh      | 14          | 95      | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2300114 | Thái Tuấn               | 16          | 93      | 3.81    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 40.414.400 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>6. Lớp: DA2308A2</b>                           |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2300136 | Đoàn Tấn Giao           | 15          | 91      | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2300178 | Nguyễn Hoàng Phúc Thiện | 15          | 95      | 3.79    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2300197 | Khâu Mai Quỳnh Vy       | 17          | 97      | 3.76    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2300200 | Từ Nguyễn Khánh Vy      | 18          | 95      | 3.94    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 39.811.200 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>7. Lớp: DA2308F1</b>                           |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2300224 | Vũ Thanh Hà             | 13          | 92      | 3.69    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2300246 | Nguyễn Ngọc Phương Mai  | 13          | 92      | 3.73    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.684.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>8. Lớp: DA2308F2</b>                           |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên            | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 1                                                 | B2300230 | Dương Huỳnh Mỹ Hòa   | 12          | 95      | 3.63    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2300273 | Nguyễn Trần Trân     | 13          | 95      | 3.58    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>24.310.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.188.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>9. Lớp: DA2366A1</b>                           |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2302444 | Đỗ Khánh Duy         | 16          | 100     | 3.91    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2302494 | Trần Thị Trinh Trinh | 16          | 90      | 3.97    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 3                                                 | B2302495 | Nguyễn Thanh Tú      | 15          | 93      | 3.93    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>28.560.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.288.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>10. Lớp: DA2366A2</b>                          |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2302507 | Nguyễn Kỳ Duyên      | 13          | 97      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2302509 | Dương Phát Đạt       | 15          | 96      | 3.97    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 3                                                 | B2302546 | Hồ Thị Minh Thư      | 16          | 95      | 3.91    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>28.560.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.832.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>11. Lớp: DA2366T1</b>                          |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2302588 | Huỳnh Thị Trúc Mai   | 15          | 100     | 3.89    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2302590 | Nguyễn La Diễm My    | 15          | 93      | 3.89    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.440.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>12. Lớp: DA2366T2</b>                          |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2302591 | Lưu Xuân Hoàn Mỹ     | 12          | 100     | 3.83    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2302593 | Phạm Lê Mỹ Ngân      | 12          | 98      | 3.73    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>13. Lớp: DA23U5A1</b>                          |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2305818 | Trần Văn Nhật Hào    | 13          | 87      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2305834 | Lê Thị Yến Phương    | 13          | 92      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>19.610.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.905.600 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>14. Lớp: DA2408A1</b>                          |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400120 | Nguyễn Thành Nhân    | 14          | 93      | 3.81    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2400128 | Trần Ngọc Như        | 15          | 97      | 3.79    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2400148 | Lê Trường Thịnh      | 14          | 97      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.382.400 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>15. Lớp: DA2408A2</b>                          |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400053 | Nguyễn Trúc Anh      | 12          | 100     | 3.82    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2400116 | Lê Thị Hồng Ngọc     | 13          | 90      | 3.85    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2400154 | Phạm Anh Thư         | 13          | 93      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 35.588.800 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>16. Lớp: DA2408A3</b>                          |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400252 | Văn Thị Thùy Nguyên  | 12          | 90      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2400282 | Nguyễn Thị Huỳnh Thơ | 12          | 93      | 3.82    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên            | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 3                                                 | B2400286 | Nguyễn Ngọc Anh Thư  | 12          | 98      | 3.82    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 35.588.800 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>17. Lớp: DA2408A4</b>                          |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400292 | Trần Thị Cẩm Tiên    | 14          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2400307 | Lê Hoàng Tỷ          | 14          | 100     | 3.89    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2400311 | Nguyễn Thanh Vy      | 12          | 92      | 3.91    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>18. Lớp: DA2408A5</b>                          |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400332 | Trần Thị Mỹ Duyên    | 16          | 96      | 3.63    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2400363 | Nguyễn Kha Lil       | 13          | 98      | 3.62    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2400401 | Phan Ngọc Quý        | 13          | 100     | 3.69    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.985.600 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>19. Lớp: DA2408A6</b>                          |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400323 | Huỳnh Ngọc Bích      | 13          | 100     | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2400327 | Dương Thị Ngọc Diễm  | 14          | 90      | 3.85    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2400340 | Lê Trí Hải           | 15          | 95      | 3.82    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.382.400 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>20. Lớp: DA2408F1</b>                          |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400450 | Nguyễn Ngọc Lan Anh  | 13          | 95      | 3.58    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| 2                                                 | B2400463 | Nguyễn Văn Hợp       | 13          | 89      | 3.58    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>22.440.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>21. Lớp: DA2408F2</b>                          |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400510 | Nguyễn Khánh Duy     | 13          | 96      | 3.58    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| 2                                                 | B2400513 | Trần Duy Định        | 14          | 90      | 3.62    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>24.310.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>22. Lớp: DA2408F3</b>                          |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400060 | Huỳnh Đoàn Ngọc Châu | 13          | 100     | 3.77    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2400527 | Nguyễn Thị Ngọc Mỹ   | 13          | 91      | 3.73    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>23. Lớp: DA2466A1</b>                          |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2403179 | Bùi Tấn Khánh        | 12          | 100     | 3.67    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2403181 | Phạm Anh Khoa        | 13          | 100     | 3.67    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 3                                                 | B2403185 | Nguyễn Hoài Luân     | 13          | 90      | 3.83    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 4                                                 | B2403196 | Trương Thị Huỳnh Như | 13          | 92      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>38.080.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.080.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>24. Lớp: DA2466A2</b>                          |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2403232 | Lý Thanh An          | 12          | 97      | 3.91    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2403242 | Lê Thị Mỹ Duyên      | 13          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 3                                                 | B2403290 | Lê Văn Tính            | 12          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 4                                                 | B2403301 | Trần Thị Ngọc Vi       | 13          | 92      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>38.080.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.816.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>25. Lớp: DA2466A3</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2403336 | Trịnh Lê Trúc Ly       | 13          | 95      | 3.67    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2403344 | Trần Thiện Nhân        | 15          | 93      | 3.79    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 3                                                 | B2403346 | Lê Thị Quỳnh Như       | 13          | 91      | 3.63    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 4                                                 | B2403357 | Phan Nguyễn Thanh Thảo | 13          | 94      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>38.080.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.272.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>26. Lớp: DA2466A4</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2403382 | Trần Thị Thúy An       | 13          | 93      | 3.79    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2403414 | Bành Gia Ngân          | 13          | 93      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 3                                                 | B2403415 | Thái Ngọc Ngân         | 13          | 90      | 3.75    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 4                                                 | B2403417 | Phan Thị Minh Ngọc     | 13          | 93      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>38.080.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 35.904.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>27. Lớp: DA2466T1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2403490 | Trương Điền Quân       | 12          | 97      | 3.67    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>13.090.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>28. Lớp: DA2466T2</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2403476 | Bùi Như Mơ             | 12          | 95      | 3.83    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>13.090.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.708.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>29. Lớp: DA24U5A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2407889 | Quách Thị Kim Đoan     | 15          | 90      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2407908 | Huỳnh Mỹ Xuyên         | 14          | 96      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2407920 | Nguyễn Trung Nghĩa     | 13          | 97      | 3.58    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>30. Lớp: NN2208A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200065 | Đặng Nguyễn Gia Hân    | 12          | 93      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2200077 | Đặng Hoàng Lâm         | 12          | 97      | 3.79    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2200091 | Phạm Thị Tuyết Nhung   | 14          | 93      | 3.89    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2200106 | Phạm Nguyễn Châu Sa    | 12          | 95      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 5                                                 | B2200127 | Nguyễn Bá Tùng         | 12          | 97      | 3.79    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>52.800.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 45.240.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>31. Lớp: NN2208A2</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200149 | Nguyễn Thành Duy       | 13          | 95      | 3.81    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2200176 | Nguyễn Văn Nhanh       | 13          | 100     | 3.81    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2200203 | Phan Thị Anh Thư       | 12          | 90      | 3.83    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2200209 | Hồng Huỳnh Bảo Trân    | 12          | 90      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 5                                                 | B2200213 | Đào Phương Trúc        | 12          | 98      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên           | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|---------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>52.800.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 48.859.200 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>32. Lớp: NN2208F1</b>                          |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200256 | Cao Thị Tâm Nhi     | 12          | 90      | 3.83    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>13.090.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.204.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>33. Lớp: NN2208F2</b>                          |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200241 | Nguyễn Võ Đức Huy   | 14          | 92      | 3.67    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>13.090.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.212.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>34. Lớp: NN22U5A1</b>                          |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205185 | Nguyễn Hoàng Kha    | 13          | 95      | 3.85    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2205191 | Thái Thị Kim Ngân   | 13          | 98      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>35. Lớp: DI2295A1</b>                          |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203431 | Nguyễn Ngọc Chiến   | 15          | 95      | 3.9     | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2203445 | Trương Thị Dạ Hương | 12          | 94      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2203471 | Nguyễn Ngọc Tâm Thi | 15          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2203488 | Lê Thị Yến Vy       | 15          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 37.398.400 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>36. Lớp: DI2296A1</b>                          |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203501 | Nguyễn Hữu Đức      | 16          | 90      | 3.91    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2203504 | Trần Quốc Huy       | 16          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2203513 | Vương Thanh Nghị    | 19          | 95      | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.350.400 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>37. Lớp: DI2296F1</b>                          |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203567 | Mai Nhật Minh       | 15          | 100     | 3.8     | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2203588 | Lê Lư Huyền Trân    | 15          | 100     | 3.9     | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>38. Lớp: DI2296F2</b>                          |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203579 | La Trí Tâm          | 13          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>13.090.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.204.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>39. Lớp: DI22D1A1</b>                          |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203604 | Dương Phạm Mỹ Hà    | 15          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2203608 | Ngô Trúc Huỳnh      | 15          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2203635 | Huỳnh Đăng Thi      | 15          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 4                                                 | B2203641 | Nguyễn Quỳnh Trâm   | 15          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>36.960.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.816.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>40. Lớp: DI22D1A2</b>                          |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203651 | Tô Ngọc Trâm Anh    | 12          | 96      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 2                                                 | B2203663 | Tô Quốc Khánh          | 15          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2203693 | Nguyễn Ngọc Thùy Trang | 15          | 96      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.872.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>41. Lớp: DI22D2A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203656 | Hoàng Lê Quốc Đạt      | 20          | 95      | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2203707 | Nguyễn Hữu Ân          | 13          | 95      | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2203723 | Võ Công Khanh          | 16          | 95      | 3.91    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.144.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>42. Lớp: DI22T9A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2204940 | Nguyễn Đăng Khoa       | 13          | 93      | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2204951 | Trần Thị Khánh Ngọc    | 15          | 90      | 3.7     | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2204965 | Trương Văn Quy         | 12          | 100     | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2204974 | Võ Thị Bảo Trân        | 12          | 97      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.001.600 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>43. Lớp: DI22V7A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205881 | Mai Nhật Khang         | 12          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2205883 | Dương Quốc Kiệt        | 12          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2205912 | Nguyễn Hùng Thịnh      | 12          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 42.224.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>44. Lớp: DI22V7F1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205896 | Nguyễn Minh Nhựt       | 15          | 86      | 3.8     | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| 2                                                 | B2205972 | Trần Tổ Anh            | 15          | 97      | 3.7     | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>24.310.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.700.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>45. Lớp: DI22V7F2</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206005 | Huỳnh Tú Phương        | 15          | 100     | 3.9     | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>13.090.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>46. Lớp: DI22Z6A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2207550 | Trần Hải Nhân          | 15          | 100     | 3.9     | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2207555 | Huỳnh Thanh Phong      | 12          | 96      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2207563 | Đinh Hữu Thành         | 13          | 95      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2207566 | Ngô Thị Thu Thảo       | 12          | 95      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 39.811.200 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>47. Lớp: DI2395A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2303759 | Nguyễn Đức Lộc         | 12          | 100     | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2303765 | Lưu Văn Mực            | 13          | 100     | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2303769 | Nguyễn Minh Ngọc       | 12          | 100     | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2303785 | Phan Thị Huỳnh Trâm    | 14          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên             | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK) | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|-----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|----------------|---------|
| <b>48. Lớp: DI2396A1</b>                          |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| 1                                                 | B2303795 | Trần Quốc An          | 14          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000     |         |
| 2                                                 | B2303813 | Trần Thị Thúy Hiền    | 15          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000     |         |
| 3                                                 | B2303819 | Nguyễn Trường Hưng    | 16          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000     |         |
| 4                                                 | B2303832 | Trần Văn Nghĩa        | 14          | 99      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000     |         |
| 5                                                 | B2303849 | Châu Ngọc Thịnh       | 13          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000     |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
|                                                   |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 41.017.600 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| <b>49. Lớp: DI2396F1</b>                          |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| 1                                                 | B2305615 | Nguyễn Thanh Trọng    | 13          | 95      | 3.85    | Xuất sắc          | 13.090.000     |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
|                                                   |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| <b>50. Lớp: DI2396F2</b>                          |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| 1                                                 | B2303904 | Ngô Hưng Thịnh        | 15          | 86      | 3.88    | Giỏi              | 11.220.000     |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
|                                                   |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.708.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| <b>51. Lớp: DI23D1A1</b>                          |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| 1                                                 | B2303951 | Trần Thị Tuyết Quỳnh  | 13          | 100     | 3.67    | Xuất sắc          | 9.240.000      |         |
| 2                                                 | B2303959 | Trần Anh Thy          | 15          | 97      | 3.87    | Xuất sắc          | 9.240.000      |         |
| 3                                                 | B2303971 | Nguyễn Thị Như Ý      | 14          | 95      | 3.68    | Xuất sắc          | 9.240.000      |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
|                                                   |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.680.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| <b>52. Lớp: DI23D1A2</b>                          |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| 1                                                 | B2303986 | Lê Gia Huy            | 15          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000      |         |
| 2                                                 | B2303995 | Nguyễn Gia Hoàng Kỳ   | 15          | 97      | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000      |         |
| 3                                                 | B2304023 | Lê Thành Tính         | 15          | 97      | 3.9     | Xuất sắc          | 9.240.000      |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
|                                                   |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.568.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| <b>53. Lớp: DI23D2A1</b>                          |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| 1                                                 | B2304055 | Đặng Lê Gia Khánh     | 14          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000     |         |
| 2                                                 | B2304075 | Lê Thanh Phát         | 16          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000     |         |
| 3                                                 | B2306523 | Đoàn Trung Dân        | 15          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000     |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
|                                                   |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.176.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| <b>54. Lớp: DI23T9A1</b>                          |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| 1                                                 | B2305571 | Trần Gia Hân          | 12          | 98      | 3.73    | Xuất sắc          | 10.560.000     |         |
| 2                                                 | B2305602 | Hồ Yến Oanh           | 12          | 100     | 3.82    | Xuất sắc          | 10.560.000     |         |
| 3                                                 | B2305618 | Trần Minh Tú          | 14          | 90      | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000     |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
|                                                   |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 35.588.800 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| <b>55. Lớp: DI23V7A1</b>                          |          |                       |             |         |         |                   |                |         |
| 1                                                 | B2306556 | Nguyễn Huy Lợi        | 14          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000     |         |
| 2                                                 | B2306573 | Trần Minh Phú         | 13          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000     |         |
| 3                                                 | B2306588 | Ngô Dương Nhật Thương | 13          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000     |         |
| 4                                                 | B2306598 | Nguyễn Minh Tuấn      | 13          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000     |         |
| 5                                                 | B2306603 | Trần Anh Vũ           | 13          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000     |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên               | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|-------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>52.800.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 52.478.400 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>56. Lớp: DI23V7F1</b>                          |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306673 | Nguyễn Phước Linh       | 14          | 97      | 3.93    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2306680 | Trần Thị Thúy Quỳnh     | 12          | 93      | 4       | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.668.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>57. Lớp: DI23Z6A1</b>                          |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2304069 | Trần Quang Minh         | 12          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2308370 | Nguyễn Lê Thảo My       | 14          | 94      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2308397 | Ung Ngọc Diễm Trinh     | 14          | 91      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2308407 | Huỳnh Ngọc Phi Yên      | 13          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>58. Lớp: DI2495A1</b>                          |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2404855 | Lê Hữu Hào              | 13          | 95      | 3.42    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2404861 | Nguyễn Huỳnh Thái Khang | 12          | 100     | 3.33    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2404880 | Nguyễn Tuyết Thơ        | 13          | 100     | 3.33    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>59. Lớp: DI2495A2</b>                          |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2404909 | Võ Thị Cẩm Ly           | 16          | 92      | 3.7     | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2404930 | Nguyễn Ngọc Thảo Vy     | 16          | 95      | 3.72    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>60. Lớp: DI2495F1</b>                          |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2404942 | Đào Thị Mỹ Huyền        | 16          | 99      | 3.81    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>13.090.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.456.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>61. Lớp: DI2495F2</b>                          |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2404965 | Trần Thị Thanh Thoảng   | 14          | 95      | 3.75    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>13.090.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.960.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>62. Lớp: DI2496A1</b>                          |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2404990 | Đặng Hữu Khang          | 16          | 92      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2405001 | Thái Trường Nguyên      | 15          | 97      | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2405009 | Phạm Võ Minh Thanh      | 16          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.540.800 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>63. Lớp: DI2496A2</b>                          |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405036 | Lê Tuấn Khang           | 14          | 100     | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2405061 | Trần Huỳnh Đức Trung    | 12          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>64. Lớp: DI2496F1</b>                          |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405077 | Nguyễn Duy Khang        | 14          | 100     | 3.75    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên           | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|---------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 2                                                 | B2405079 | Trần Anh Khôi       | 14          | 100     | 3.86    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>65. Lớp: DI2496F2</b>                          |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405106 | Lê Hoàng Anh        | 16          | 97      | 3.8     | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2405134 | Đặng Lam Sơn        | 16          | 97      | 3.8     | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>66. Lớp: DI24D1A1</b>                          |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405391 | Trần Chí Hạo        | 15          | 95      | 3.89    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2405403 | Võ Thị Ánh Ngân     | 13          | 95      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2405422 | Võ Nguyễn Thanh Thư | 15          | 95      | 3.83    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.232.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>67. Lớp: DI24D1A2</b>                          |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405436 | Lê Tấn Dũng         | 16          | 100     | 3.83    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2405441 | Nguyễn Văn Hậu      | 14          | 90      | 3.89    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2405474 | Phạm Châu Bảo Trân  | 14          | 94      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.288.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>68. Lớp: DI24D2A1</b>                          |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405483 | Võ Mai Nhật Anh     | 13          | 95      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2405484 | Nguyễn Bá Thiên Ân  | 12          | 95      | 3.86    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2405491 | Bùi Văn Duy         | 15          | 92      | 3.9     | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2405535 | Lê Nguyễn Trung Tín | 15          | 100     | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>69. Lớp: DI24T9A1</b>                          |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2407527 | Nguyễn Lê Hữu Huân  | 20          | 93      | 3.55    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2407543 | Phạm Đoàn Minh Nhật | 14          | 82      | 3.62    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2407552 | Nguyễn Anh Thư      | 12          | 100     | 3.68    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>28.660.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.953.600 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>70. Lớp: DI24T9A2</b>                          |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2407594 | Bạch Thái Nhật      | 14          | 90      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2407604 | Võ Trần Duy Thường  | 13          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2407610 | Phan Văn Tới        | 13          | 100     | 3.81    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.747.200 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>71. Lớp: DI24V7A1</b>                          |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2408805 | Đặng Thị Hồng Ngọc  | 16          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2408828 | Nguyễn Minh Triền   | 12          | 93      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2408830 | Lê Nhã Trúc         | 16          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.985.600 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>72. Lớp: DI24V7A2</b>                          |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 1                                                 | B2408850 | Lê Quốc Huy            | 13          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2408874 | Lê Thị Thúy Quỳnh      | 12          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2408878 | Nguyễn Duy Tân         | 13          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>73. Lớp: DI24V7F1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2408946 | Bí Nhựt Duy            | 14          | 95      | 3.86    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2408970 | Phan Nguyễn Thiên Phúc | 12          | 100     | 3.92    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>74. Lớp: DI24V7F2</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2408992 | Ngô Nguyễn Minh Đăng   | 14          | 95      | 3.77    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2409020 | Huỳnh Võ Trí Trung     | 12          | 98      | 3.83    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>75. Lớp: DI24Z6A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2410656 | Trần Vũ Bằng           | 15          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2410676 | Nguyễn Minh Khôi       | 14          | 92      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2410681 | Võ Hoàng Luân          | 15          | 97      | 3.82    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.160.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>76. Lớp: DI24Z6A2</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2410737 | Lê Hoàng Nguyên        | 14          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2410741 | Châu Thành Phát        | 16          | 91      | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2410743 | Lê Minh Phúc           | 15          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>77. Lớp: HG22V7A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205955 | Trần Thanh Phúc        | 12          | 94      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2205957 | Trịnh Minh Tân         | 13          | 99      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.699.200 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>78. Lớp: HG23V7A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306614 | Nguyễn Hoàng Hào       | 17          | 95      | 3.85    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2306643 | Chung Tình             | 17          | 91      | 3.85    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.699.200 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>79. Lớp: HG24V7A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2408901 | Lâm Thị Cẩm Duyên      | 15          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2408904 | Trần Thanh Hà          | 15          | 100     | 3.87    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>80. Lớp: FL22V1A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205442 | Nguyễn Thanh Hậu       | 15          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2205453 | Lê Huỳnh Bảo Ngân      | 15          | 97      | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.704.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>81. Lớp: FL22V1F1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205535 | Đỗ Nguyễn Gia Huy      | 17          | 95      | 3.87    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2205541 | Trần Phương Ngân       | 15          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.684.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>82. Lớp: FL22V1F2</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205566 | Võ Lâm Bảo Châu        | 17          | 97      | 3.94    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2205582 | Nguyễn Ngọc Thúy Oanh  | 18          | 100     | 3.94    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.440.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>83. Lớp: FL22V1F3</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205606 | Phan Thị Kiều My       | 16          | 100     | 3.86    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2205615 | Huỳnh Kiến Ninh        | 12          | 97      | 3.83    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.440.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>84. Lớp: FL22X1A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206830 | Nguyễn Hải Đăng        | 15          | 93      | 3.93    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2206863 | Văn Thanh Tùng         | 15          | 93      | 3.93    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>17.620.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.128.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>85. Lớp: FL22X1A2</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206898 | Phan Hoàng Minh Thư    | 18          | 95      | 3.94    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2206903 | Nguyễn Hữu Trọng       | 18          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>17.620.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.624.800 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>86. Lớp: FL22X2A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206924 | Lê Trí Tỏ              | 14          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 6.541.600 đồng</b>  |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>87. Lớp: FL22Z8A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205405 | Huỳnh Khánh Lâm        | 13          | 94      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2205415 | Nguyễn Huỳnh Khánh Nhi | 17          | 100     | 3.91    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>88. Lớp: FL22Z9A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2207617 | Nguyễn Huỳnh Ngọc Thu  | 12          | 91      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2207622 | Phan Thanh Trữ         | 12          | 100     | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>89. Lớp: FL23V1A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306056 | Vũ Như Đan             | 14          | 95      | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2306090 | Nguyễn Thị Ngọc Thùy   | 16          | 95      | 3.81    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2306124 | Nguyễn Thị Ngoan       | 17          | 95      | 3.91    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 4                                                 | B2306129 | Nguyễn Ngọc Nhi        | 15          | 92      | 3.89    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>36.960.000</b> |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 32.736.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>90. Lớp: FL23V1F1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306220 | Nguyễn Thái Tuyết Ngân | 15          | 92      | 3.79    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2306239 | Võ Ngọc Thủy Tiên      | 16          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.684.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>91. Lớp: FL23V1F2</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306263 | Nguyễn Văn Anh Kiệt    | 14          | 97      | 3.86    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2306288 | Lưu Ngọc Trâm          | 16          | 100     | 3.9     | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.936.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>92. Lớp: FL23V1F3</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306238 | Hoàng Thị Thương       | 14          | 95      | 3.93    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2306274 | Huỳnh Thảo Như         | 14          | 92      | 3.93    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.936.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>93. Lớp: FL23V1L1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | C2300119 | Nguyễn Trương Minh Trí | 15          | 67      | 3.9     | Khá               | 6.600.000         |         |
| 2                                                 | S2300033 | Huỳnh Nguyễn Trúc Nhi  | 12          | 67      | 3.71    | Khá               | 6.600.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>13.200.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 11.616.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>94. Lớp: FL23X1A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307532 | Lê Thị Hồng Diễm       | 18          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2307536 | Lê Hồng Đức            | 14          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>17.620.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.121.600 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>95. Lớp: FL23X1A2</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307577 | Doãn Lan Hương         | 14          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2307593 | Thạch Ngọc Thiện       | 16          | 93      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>17.620.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.612.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>96. Lớp: FL23X2A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307613 | Nguyễn Bảo Ngọc        | 12          | 95      | 3.9     | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 9.057.600 đồng</b>  |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>97. Lớp: FL23Z8A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306144 | Lê Anh Thư             | 17          | 91      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2306154 | Ngô Tường Vy           | 16          | 92      | 3.83    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>98. Lớp: FL23Z9A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2308416 | Dư Thị Quỳnh Giao      | 13          | 97      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2308421 | Dương Thiên Kim        | 12          | 100     | 3.83    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.368.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>99. Lớp: FL24V1A1</b>                          |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên               | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|-------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 1                                                 | B2408154 | Nguyễn Thị Tuyết Ngọc   | 15          | 95      | 3.89    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2408155 | Trần Yến Ngọc           | 16          | 95      | 3.9     | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2408308 | Lê Phúc Gia Bảo         | 15          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.568.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>100. Lớp: FL24V1A2</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2408190 | Phạm Ngọc Quỳnh Anh     | 15          | 93      | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2408203 | Nguyễn Đăng Khoa        | 16          | 92      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2408346 | Phan Nhật Tân           | 15          | 90      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.040.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>101. Lớp: FL24V1A3</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2408250 | Nguyễn Hoàng Bi         | 14          | 93      | 3.89    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2408270 | Hồ Xuân Nga             | 15          | 91      | 3.89    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2408299 | Ngô Phương Uyên         | 15          | 94      | 3.89    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.984.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>102. Lớp: FL24V1F1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2408431 | Hoàng Trần Gia Anh      | 14          | 95      | 3.79    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2408436 | Lê Thị Diễm             | 14          | 100     | 3.79    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>103. Lớp: FL24V1F2</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2408489 | Trần Phương Minh Hiền   | 14          | 100     | 3.86    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2408495 | Vũ Hải Linh             | 15          | 100     | 3.79    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.936.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>104. Lớp: FL24V1F3</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2408473 | Lưu Hoàng Minh Trú      | 14          | 100     | 3.79    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>13.090.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>105. Lớp: FL24X1A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409909 | Nguyễn Thanh Thành      | 14          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2409916 | Phạm Minh Trọng         | 15          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 3                                                 | B2409918 | Trần Thị Cẩm Tú         | 16          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>26.430.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.160.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>106. Lớp: FL24X1A2</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409923 | Trang Quốc An           | 16          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2409946 | Nguyễn Ngọc Nhi         | 12          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 3                                                 | B2409962 | Nguyễn Minh Minh Thư    | 19          | 93      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>26.430.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.656.800 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>107. Lớp: FL24X2A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409986 | Nguyễn Trần Uyên Phương | 13          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 7.548.000 đồng</b>  |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>108. Lớp: FL24Z8A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2408180 | Võ Nguyên Tùng         | 16          | 97      | 3.9     | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2408212 | Tạ Kim Ngân            | 14          | 100     | 3.96    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2408294 | Nguyễn Trần Hoàng Thy  | 13          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.096.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>109. Lớp: FL24Z9A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2410765 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh     | 12          | 90      | 3.36    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 2                                                 | B2410796 | Diệp Phạm Thuỳ Trang   | 12          | 85      | 3.36    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>15.840.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>110. Lớp: FL24Z9A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2410823 | Châu Khánh Linh        | 14          | 97      | 3.65    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2410832 | Nguyễn Kim Bình Nguyên | 12          | 95      | 3.68    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.176.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>111. Lớp: HG22V1A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205488 | Võ Lê Thành Đạt        | 15          | 92      | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2205505 | Lê Đặng Quỳnh Như      | 15          | 92      | 3.73    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>112. Lớp: HG23V1A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306175 | Võ Văn Nhi             | 18          | 95      | 3.85    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2306176 | Nguyễn Thuận Phát      | 18          | 97      | 3.74    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>113. Lớp: HG24V1A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2408404 | Phạm Phan Chúc Ni      | 12          | 94      | 3.67    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2408417 | Nguyễn Ka Thy          | 12          | 93      | 3.67    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2408422 | Hồ Văn Trọng           | 12          | 93      | 3.67    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.096.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>114. Lớp: HG22U7A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205265 | Nguyễn Anh Thư         | 14          | 72      | 2.54    | Khá               | 7.540.000         |         |
| 2                                                 | B2205271 | Nguyễn Thị Hồng Trúc   | 13          | 76      | 2.73    | Khá               | 7.540.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>15.080.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.080.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>115. Lớp: HG22U7A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205322 | Nguyễn Ngọc Bảo Trân   | 16          | 72      | 3.34    | Khá               | 7.540.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>7.540.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.905.600 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>116. Lớp: HG23U7A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2305874 | Đinh Thị Mỹ Huyền      | 16          | 88      | 3.93    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2305875 | Đoàn Thị Mỹ Hương      | 16          | 80      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2305915 | Nguyễn Thị Mộng Trúc   | 16          | 88      | 3.67    | Giỏi              | 9.050.000         |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên           | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|---------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>117. Lớp: HG23U7A2</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2305952 | Lê Thị Thu Ngân     | 14          | 91      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2305967 | Nguyễn Hữu Thoại    | 17          | 92      | 3.69    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>19.610.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>118. Lớp: HG24U7A1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2407938 | Trần Xuân Diệu      | 12          | 93      | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2407993 | Trần Quang Vinh     | 12          | 100     | 3.83    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.318.400 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>119. Lớp: HG24U7A2</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2408012 | Trần Quốc Huy       | 12          | 87      | 3.58    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2408021 | Võ Thị Tuyết Mai    | 12          | 81      | 3.33    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2408023 | Đặng Kim Ngân       | 12          | 86      | 3.67    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>120. Lớp: KH2269A1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202552 | Tăng Bảo Phúc       | 16          | 93      | 4       | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2202553 | Lê Ngọc Quang       | 12          | 95      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>19.040.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.584.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>121. Lớp: KH2269A2</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202575 | Nguyễn Thị Bảo Gấm  | 17          | 100     | 3.65    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2202604 | Nguyễn Cẩm Tiên     | 12          | 86      | 3.88    | Giỏi              | 8.160.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>17.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.496.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>122. Lớp: KH2289A1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203207 | Lê Duyên Ái         | 17          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2203216 | Tôn Tuấn Khôi       | 13          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2203233 | Phan Ngọc Quý       | 19          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>123. Lớp: KH2289A2</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203252 | Hà Ngọc Bích        | 14          | 92      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2203260 | Lê Huỳnh Trung Kiên | 17          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.112.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>124. Lớp: KH2294A1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203381 | Đỗ Thị Ngọc Diễm    | 12          | 95      | 3.83    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2203388 | Nguyễn Thúy Huyền   | 12          | 90      | 3.42    | Giỏi              | 8.160.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>17.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.672.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>125. Lớp: KH22D3A1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203777 | Lê Đông Phương      | 17          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên           | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|---------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 2                                                 | B2203786 | Nguyễn Thị Anh Thư  | 16          | 97      | 3.81    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2203798 | Nguyễn Thị Như Ý    | 14          | 87      | 4       | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>30.170.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.350.400 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>126. Lớp: KH22D3A2</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203805 | Lê Hồng Diễm        | 13          | 97      | 3.85    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2203819 | An Mỹ Ngân          | 13          | 85      | 3.92    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2203851 | Phạm Như Ý          | 16          | 94      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>30.170.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.747.200 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>127. Lớp: KH22T3A1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2204292 | Lê Kim Chon         | 17          | 97      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2204320 | Đặng Thị Hồng Thắm  | 14          | 100     | 3.86    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2204329 | Châu Thái Vinh      | 14          | 100     | 3.86    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>128. Lớp: KH22T3A2</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2204339 | Đỗ Lý Ngọc Dung     | 14          | 100     | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2204360 | Trần Thiện Phước    | 12          | 97      | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>129. Lớp: KH22U1A1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205025 | Lê Trần Ngọc Trâm   | 13          | 92      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2205032 | Nguyễn Trần Yến Vy  | 15          | 92      | 3.87    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.318.400 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>130. Lớp: KH2369A1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2302781 | Phan Trọng Phúc     | 15          | 95      | 3.68    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2302796 | Châu Thị Như Ý      | 18          | 92      | 3.76    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>19.040.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.408.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>131. Lớp: KH2369A2</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2302797 | Nguyễn Ngọc Lan Anh | 18          | 94      | 3.91    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2302814 | Đỗ Ngọc Ngân        | 14          | 80      | 3.73    | Giỏi              | 8.160.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>17.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.496.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>132. Lớp: KH2389A1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2303536 | Trần Bảo Ngọc       | 14          | 93      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2303537 | Nguyễn Phước Nhân   | 15          | 93      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2303540 | Trần Thanh Phú      | 12          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.318.400 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>133. Lớp: KH2389A2</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2303570 | Phan Tuấn Khanh     | 14          | 94      | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2303599 | Lê Cát Tường        | 13          | 98      | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>134. Lớp: KH2394A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2303706 | Nguyễn Thị Thanh Ngân  | 17          | 94      | 3.91    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2303724 | Đặng Ngọc Trai         | 14          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>19.040.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.040.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>135. Lớp: KH23D3A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2304103 | Lê Quốc Hào            | 16          | 92      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2304119 | Phan Thị Nhanh         | 15          | 93      | 3.87    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>136. Lớp: KH23D3A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2302187 | Nguyễn Hứa Thiện Tâm   | 20          | 98      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2304171 | Văn Thị Huỳnh Như      | 15          | 90      | 3.63    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>137. Lớp: KH23T3A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2304962 | Nguyễn Thị Hằng Nga    | 14          | 100     | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2304967 | Nguyễn Thành Phúc      | 13          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2304969 | Nguyễn Trần Duy Quang  | 16          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.144.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>138. Lớp: KH23T3A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2305001 | Lê Quốc Huy            | 12          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2305017 | Nguyễn Ngọc Thái Thanh | 14          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>139. Lớp: KH23U1A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2305620 | Đỗ Huỳnh Tuấn Anh      | 12          | 97      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2305641 | Phan Thị Chúc Lo       | 12          | 97      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2305663 | Ngô Nguyễn Bảo Trân    | 15          | 99      | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.540.800 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>140. Lớp: KH2469A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2403750 | Phạm Thái Khang        | 13          | 94      | 3.71    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2403768 | Danh Bình Nhưỡng       | 12          | 100     | 3.91    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 3                                                 | B2403791 | Phạm Ngọc Uyên         | 12          | 93      | 3.82    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>28.560.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.832.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>141. Lớp: KH2469A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2403820 | Phạm Thị Ngọc Mai      | 13          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2403842 | Trần Quang Thắng       | 13          | 97      | 3.96    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 3                                                 | B2403848 | Nguyễn Minh Triết      | 13          | 100     | 3.92    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>28.560.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>142. Lớp: KH2489A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 1                                                 | B2404590 | Lê Lan Đài             | 13          | 92      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2404610 | Phan Trần Trí Nguyên   | 14          | 90      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2404625 | Lê Thị Kim Trang       | 12          | 99      | 3.91    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.350.400 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>143. Lớp: KH2489A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2404633 | Phạm Phước Anh         | 12          | 97      | 3.91    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2404675 | Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm | 12          | 94      | 3.91    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>144. Lớp: KH2494A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2404773 | Nguyễn Thị Loan Em     | 13          | 98      | 3.79    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2404795 | Đỗ Minh Quân           | 13          | 93      | 3.54    | Giỏi              | 8.160.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>17.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.040.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>145. Lớp: KH2494A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2404812 | Phan Hữu Dư            | 14          | 100     | 3.57    | Giỏi              | 8.160.000         |         |
| 2                                                 | B2404829 | Lê Thị Cẩm Ngọc        | 13          | 100     | 3.5     | Giỏi              | 8.160.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>16.320.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.408.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>146. Lớp: KH24D3A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405559 | Nguyễn Ngọc Hân        | 14          | 91      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2405567 | Nguyễn Đặng Huỳnh Lâm  | 15          | 97      | 3.43    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2405584 | Lê Thanh Thảo          | 13          | 100     | 3.58    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.747.200 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>147. Lớp: KH24D3A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405613 | Lê Thị Diệu Hiền       | 12          | 92      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2405629 | Nguyễn Thị Tâm Như     | 13          | 95      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>148. Lớp: KH24T3A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2406767 | Mai Đình Huy           | 13          | 91      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2406777 | Nguyễn Thanh Thúy Ngân | 13          | 98      | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2406783 | Nguyễn Thành Nhơn      | 12          | 91      | 3.96    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.160.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>149. Lớp: KH24T3A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2406827 | Trần Hồng Minh         | 13          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2406841 | Lê Ngọc Thiên Thảo     | 12          | 93      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2406855 | Trần Bảo Yến           | 13          | 97      | 3.96    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.144.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>150. Lớp: KH24U1A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2407632 | Ngô Hoàng Khang        | 16          | 93      | 3.3     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2407636 | Nguyễn Thị Ngọc Mai    | 12          | 98      | 3.05    | Khá               | 7.540.000         |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên                | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|--------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 3                                                 | B2407666 | Ngô Bùi Kiều Ngọc Như Ý  | 13          | 100     | 3.83    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                          |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng</b> |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>151. Lớp: KH24U1A2</b>                         |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2407679 | Lê Thái Hoà              | 14          | 73      | 3.29    | Khá               | 7.540.000         |         |
| 2                                                 | B2407685 | Phạm Xuân May            | 13          | 91      | 3.29    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2407697 | Mai Anh Quốc             | 12          | 91      | 3.41    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                          |             |         |         |                   | <b>25.640.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng</b> |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>152. Lớp: HG2222A1</b>                         |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2201114 | Nguyễn Thị Quyển         | 12          | 97      | 3.71    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2201116 | Trương Tấn Thái          | 18          | 97      | 3.65    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                          |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng</b> |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>153. Lớp: HG2223A1</b>                         |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2201371 | Ngô Phúc Lợi             | 13          | 82      | 3.69    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2201402 | Nguyễn Thị Như Ý         | 14          | 90      | 3.73    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                          |             |         |         |                   | <b>19.610.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.286.400 đồng</b> |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>154. Lớp: HG2322A1</b>                         |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2301270 | Triệu Đức Tiến           | 15          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2301273 | Trần Thị Huỳnh Trân      | 12          | 95      | 3.86    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                          |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.424.000 đồng</b> |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>155. Lớp: HG2323A1</b>                         |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2301583 | Huỳnh Tấn Phát           | 13          | 83      | 3.38    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2301591 | Nguyễn Thành Tài         | 16          | 84      | 3.43    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                          |             |         |         |                   | <b>18.100.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.905.600 đồng</b> |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>156. Lớp: HG2323A2</b>                         |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2301558 | Nguyễn Xuân Huy          | 18          | 86      | 3.76    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2301581 | Phan Thị Hằng Ni         | 12          | 81      | 3.46    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                          |             |         |         |                   | <b>18.100.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.905.600 đồng</b> |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>157. Lớp: HG2422A1</b>                         |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2401760 | Lê Hồng My               | 15          | 93      | 3.87    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2401795 | Nguyễn Thị Vân Y         | 15          | 93      | 3.7     | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2401799 | Lê Thị Như Ý             | 13          | 100     | 3.73    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                          |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.152.000 đồng</b> |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>158. Lớp: HG2423A1</b>                         |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2402140 | Trần Trung Kiên          | 14          | 92      | 3.46    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2402152 | Trần Thị Ngọc Mai        | 13          | 84      | 3.54    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2402202 | Trần Nguyễn Phúc Thịnh   | 13          | 97      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 4                                                 | B2402203 | Trần Trương Trường Thịnh | 13          | 81      | 3.38    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                          |             |         |         |                   | <b>36.200.000</b> |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.176.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>159. Lớp: HG2423A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2402108 | Nguyễn Tuấn Duy        | 16          | 90      | 3.69    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2402171 | Nguyễn Thị Yên Nhi     | 16          | 95      | 3.47    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2402177 | Đặng Thị Hoàng Phúc    | 16          | 91      | 3.47    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 4                                                 | B2402222 | Nguyễn Minh Triết      | 16          | 83      | 3.63    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>37.710.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>160. Lớp: KT2220A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200762 | Nguyễn Lê Đil          | 12          | 90      | 3.67    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2200770 | Nguyễn Quốc Huy        | 14          | 90      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2200787 | Nguyễn Ngọc Ngân       | 14          | 95      | 3.71    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 4                                                 | B2200795 | Châu Thị Huỳnh Như     | 13          | 93      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>36.960.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.848.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>161. Lớp: KT2221A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200840 | Trần Phúc Mỹ Điền      | 12          | 99      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2200849 | Trần Diễm Huỳnh        | 15          | 95      | 3.8     | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2200864 | Đỗ Trúc Ngân           | 15          | 95      | 3.8     | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 4                                                 | B2200866 | Nguyễn Ngọc Ngân       | 13          | 96      | 3.81    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 5                                                 | B2200873 | Phạm Nguyễn Thành Phát | 12          | 100     | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>46.200.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 39.072.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>162. Lớp: KT2221F1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200903 | Đoàn Nguyễn Thiên Ân   | 16          | 100     | 3.88    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2200908 | Phạm Minh Hiếu         | 16          | 97      | 3.78    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 3                                                 | B2200935 | Bùi Lê Thanh Triết     | 18          | 100     | 3.83    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>39.270.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 37.400.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>163. Lớp: KT2221F2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200969 | Tô Huỳnh Minh Phương   | 14          | 95      | 3.64    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2200979 | Nguyễn Kim Trọng       | 16          | 97      | 3.86    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.668.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>164. Lớp: KT2222A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2201008 | Nguyễn Huỳnh Ngân      | 13          | 91      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2201020 | Đỗ Thị Kim Thoa        | 14          | 95      | 3.86    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2201025 | Lê Bảo Tín             | 12          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.760.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>165. Lớp: KT2222A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2201038 | Trần Tiểu Băng         | 14          | 85      | 3.61    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 2                                                 | B2201043 | Võ Thị Giàu            | 15          | 92      | 3.7     | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2201044 | Lưu Huỳnh Minh Hiếu    | 15          | 82      | 3.8     | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>25.080.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.760.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>166. Lớp: KT2222F1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2201148 | Lê Nguyễn Hiếu Nhân    | 13          | 90      | 3.88    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2201155 | Lưu Tấn Quang          | 13          | 87      | 3.81    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| 3                                                 | B2201167 | Phạm Thị Phương Trinh  | 13          | 90      | 3.81    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>37.400.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 32.164.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>167. Lớp: KT2222F2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2201176 | Nguyễn Thị Phương Dung | 13          | 83      | 3.81    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| 2                                                 | B2201182 | Nguyễn Hoàng Gia Khôi  | 13          | 81      | 3.73    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>22.440.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.676.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>168. Lớp: KT2223A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2201244 | Trần Ánh Linh          | 14          | 92      | 3.69    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2201272 | Lê Thị Minh Thư        | 14          | 92      | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2201277 | Đàm Thị Ngọc Trân      | 13          | 98      | 3.73    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2201282 | Trần Tú Uyên           | 12          | 98      | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>169. Lớp: KT2223A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2201287 | Huỳnh Thị Lan Anh      | 12          | 92      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2201305 | Ngô Đăng Huy           | 13          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2201318 | Phạm Quốc Minh         | 16          | 92      | 3.94    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2201355 | Ngô Thúy Vy            | 12          | 90      | 3.83    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.001.600 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>170. Lớp: KT2245A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2201928 | Phạm Nguyễn Ngọc Hà    | 12          | 99      | 3.58    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 2                                                 | B2201953 | Đặng Quỳnh Ngân        | 12          | 93      | 3.67    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2201972 | Lâm Mỹ Phụng           | 14          | 93      | 3.54    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 4                                                 | B2201986 | Trần Quang Trọng       | 13          | 98      | 3.73    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 5                                                 | B2201995 | Lê Ngọc Vy             | 14          | 81      | 3.93    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 42.768.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>171. Lớp: KT2290A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203308 | Nguyễn Minh Ngọc       | 14          | 84      | 3.75    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 2                                                 | B2203326 | Lê Thị Ngọc Trinh      | 12          | 81      | 3.67    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 3                                                 | B2203333 | Ngô Tường Vy           | 13          | 82      | 3.77    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>23.760.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>172. Lớp: KT2290A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203336 | Nguyễn Thảo An         | 14          | 90      | 3.68    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2203353 | Trần Thị Ái Nhi        | 12          | 90      | 3.63    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>173. Lớp: KT22V5A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205665 | Võ Thụy Thảo Nguyên    | 13          | 80      | 3.58    | Giỏi              | 7.920.000         |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 2                                                 | B2205669 | Phạm Thị Yến Nhi       | 14          | 100     | 3.61    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2205673 | Nguyễn Thị Trúc Phương | 13          | 90      | 3.77    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 4                                                 | B2205675 | Nguyễn Minh Quang      | 17          | 93      | 3.56    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>34.320.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 36.432.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>174. Lớp: KT22W1A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206138 | Huỳnh Trần Kim Duyên   | 12          | 94      | 3.5     | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 2                                                 | B2206160 | Dương Ngọc Lan Thanh   | 13          | 88      | 3.38    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 3                                                 | B2206163 | Dương Ngọc Anh Thư     | 12          | 80      | 3.58    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>23.760.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>175. Lớp: KT22W1A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206178 | Nguyễn Thị Hồng Châu   | 12          | 95      | 3.75    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2206211 | Huỳnh Thị Huyền Trân   | 12          | 98      | 3.83    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>176. Lớp: KT22W2F1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203578 | Lê Cao Anh Tài         | 14          | 67      | 3.29    | Khá               | 9.350.000         |         |
| 2                                                 | B2206292 | Huỳnh Dương Bảo Anh    | 13          | 65      | 3.08    | Khá               | 9.350.000         |         |
| 3                                                 | B2206328 | Nguyễn Võ Thiên Thanh  | 17          | 73      | 2.97    | Khá               | 9.350.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>28.050.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.896.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>177. Lớp: KT22W3A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206368 | Lê Khánh Linh          | 13          | 90      | 3.81    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2206380 | Trần Hồ Hoàn Phúc      | 12          | 98      | 3.83    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>178. Lớp: KT22W3A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206418 | Huỳnh Ngọc Nhi         | 12          | 91      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2206426 | Trương Thanh Thanh     | 14          | 90      | 3.75    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>179. Lớp: KT22W4A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206456 | Nguyễn Thị Thanh Liêm  | 13          | 89      | 3.88    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 2                                                 | B2206464 | Diệp Thị Cẩm Nhung     | 13          | 79      | 3.62    | Khá               | 6.600.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>14.520.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>180. Lớp: KT22W4A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206506 | Phan Thị Kim Quyên     | 13          | 95      | 3.96    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2206517 | Sầm Phong Yến          | 13          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>181. Lớp: KT22W4F1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206551 | Lê Hồng Tiến           | 16          | 90      | 3.94    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2206553 | Nguyễn Ngọc Bảo Trân   | 16          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.668.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>182. Lớp: KT22W4F2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206568 | Nguyễn Thị Hương Giang | 16          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2206579 | Trương Nguyễn Trà My   | 16          | 96      | 3.94    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>183. Lớp: KT2320A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2300928 | Huỳnh Ngọc Hân         | 12          | 97      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2300951 | Nguyễn Lê Yến Nhi      | 15          | 94      | 3.89    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2300985 | Nguyễn Thị Hải Yến     | 14          | 97      | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 4                                                 | B2307096 | Phạm Kim Hoàng Oanh    | 13          | 96      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>36.960.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 41.184.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>184. Lớp: KT2321A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2300991 | Phạm Nguyễn Lan Anh    | 14          | 90      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2300996 | Trần Nguyễn Khánh Duy  | 13          | 96      | 3.96    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2301000 | Võ Diễm Ngân Đan       | 17          | 97      | 3.91    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 4                                                 | B2301003 | Lưu Ngọc Hân           | 14          | 94      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 5                                                 | B2302172 | Lâm Nguyễn Trúc Nguyên | 13          | 96      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>46.200.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 44.880.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>185. Lớp: KT2321F1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2301079 | Trần Minh Nhật         | 16          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2301085 | Đặng Kim Sang          | 16          | 97      | 3.91    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.180.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>186. Lớp: KT2321F2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2301104 | Ngô Thanh Hương        | 16          | 96      | 3.63    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2301120 | Trần Thị Kim Phụng     | 16          | 82      | 3.91    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>24.310.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.684.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>187. Lớp: KT2322A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2301131 | Nguyễn Thành An        | 12          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2301169 | Nguyễn Hữu Tạo         | 13          | 100     | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2301182 | Bùi Thị Kim Tuyền      | 13          | 98      | 3.85    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.400.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>188. Lớp: KT2322A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2301191 | Dương Thị Ngọc Chi     | 15          | 94      | 3.86    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2301207 | Nguyễn Thị Kim Luyến   | 16          | 92      | 3.8     | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2301227 | Hồ Thị Kim Thoa        | 14          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.760.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>189. Lớp: KT2322F1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2301300 | Lê Võ Tùng Linh        | 14          | 100     | 3.71    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2301305 | Huỳnh Thị Kim Ngân     | 14          | 90      | 3.75    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên            | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.416.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>190. Lớp: KT2322F2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2301362 | Lưu Thị Thu Phiếu    | 15          | 98      | 3.71    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2301375 | Lê Ngọc Thanh Tuyền  | 15          | 98      | 3.93    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.668.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>191. Lớp: KT2322L1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | C2300054 | Huỳnh Thành Đạt      | 13          | 82      | 3.63    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 2                                                 | C2300055 | Nguyễn Thị Cẩm Dương | 17          | 82      | 3.29    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>15.840.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 12.144.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>192. Lớp: KT2323A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2301390 | Phạm Hữu Dư          | 20          | 98      | 3.68    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2301394 | Võ Thị Trúc Giang    | 15          | 93      | 3.86    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2301432 | Nguyễn Kim Thảo      | 14          | 92      | 3.79    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2301447 | Trần Thanh Trúc      | 15          | 92      | 3.61    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 37.398.400 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>193. Lớp: KT2323A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2301454 | Nguyễn Kiều Trâm Anh | 15          | 92      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2301493 | Đặng Tuyết Nhi       | 15          | 90      | 3.87    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2301508 | Đặng Nguyễn Kim Thoa | 14          | 95      | 3.61    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2301525 | Đỗ Hồng Yên          | 14          | 81      | 3.77    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>40.730.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>194. Lớp: KT2345A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2302154 | Nguyễn Thị Ngọc Hân  | 16          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2302161 | Phạm Thị Cẩm Hường   | 14          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2302180 | Lữ Minh Quang        | 13          | 94      | 3.85    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 4                                                 | B2302206 | Nguyễn Thị Kim Vàng  | 14          | 100     | 3.85    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>36.960.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.848.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>195. Lớp: KT2390A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2303626 | Huỳnh Võ Trúc Phương | 16          | 85      | 3.37    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 2                                                 | B2303639 | Trần Ngọc Tú         | 14          | 88      | 3.42    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 3                                                 | B2303643 | Nguyễn Ngọc Phụng Vy | 12          | 85      | 3.55    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>23.760.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>196. Lớp: KT2390A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2303665 | Đỗ Thị Ý Nhi         | 15          | 92      | 3.9     | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2303666 | Phạm Yên Nhi         | 15          | 83      | 3.68    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>17.160.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.008.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>197. Lớp: KT23V5A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306301 | Trần Thị Thùy Dương  | 16          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên               | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|-------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 2                                                 | B2306314 | Trần Khánh Linh         | 12          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2306322 | Trần Nguyễn Thanh Ngân  | 14          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 4                                                 | B2306353 | Nguyễn Thảo Trinh       | 12          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>36.960.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.264.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>198. Lớp: KT23W1A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306826 | Nguyễn Thị Kiều Nga     | 14          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2306840 | Cam Nguyễn Tú Trân      | 14          | 96      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>199. Lớp: KT23W1A2</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306859 | Tổng Ngọc Hân           | 13          | 98      | 3.77    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2306872 | Nguyễn Trần Phúc Nguyên | 14          | 100     | 3.89    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>200. Lớp: KT23W2A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306899 | Võ Thị Trúc Hà          | 13          | 93      | 3.71    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2306900 | Trương Kim Hoa          | 13          | 95      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | C2300147 | Trần Thanh Phúc         | 14          | 93      | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.288.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>201. Lớp: KT23W2A2</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306936 | Bùi Nguyễn Ngọc Anh     | 12          | 93      | 3.91    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2306963 | Nguyễn Hoàng Phúc       | 17          | 92      | 3.94    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>202. Lớp: KT23W2F1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306983 | Trần Mộng Chúc          | 14          | 95      | 3.89    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2306993 | Nguyễn Thị Như Huỳnh    | 14          | 98      | 3.89    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 3                                                 | B2307005 | Phan Thị Mỹ Như         | 14          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>39.270.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 32.912.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>203. Lớp: KT23W3A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307045 | Chiêm Bảo Ngân          | 15          | 95      | 3.89    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2307072 | Lê Thị Thúy Vy          | 15          | 90      | 3.73    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.176.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>204. Lớp: KT23W3A2</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307081 | Nguyễn Thị Bích Duyên   | 15          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2307115 | Nguyễn Thị Thảo Vân     | 15          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>205. Lớp: KT23W4A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307133 | Đặng Quốc Khánh         | 14          | 93      | 3.71    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2307137 | Lê Thị Mẫn              | 15          | 98      | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2307138 | Lê Triệu Minh           | 15          | 90      | 3.89    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên             | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|-----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.760.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>206. Lớp: KT23W4A2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307178 | Trần Văn Khuôn        | 12          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2307180 | Vô Tấn Lộc            | 14          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>207. Lớp: KT23W4F1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307224 | Nguyễn Ngọc Ngân      | 18          | 100     | 3.72    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2307232 | Nguyễn Ngọc Thanh Nhi | 18          | 93      | 3.78    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.676.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>208. Lớp: KT23W4F2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307263 | Nguyễn Minh Long      | 19          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2307265 | Nguyễn Lê Ngọc Ngân   | 19          | 91      | 3.72    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.928.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>209. Lớp: KT2420A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2401244 | Lý Thị Như Huỳnh      | 13          | 93      | 3.79    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2401259 | Nguyễn Phan Bảo Nghi  | 13          | 97      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2401298 | Lê Trần Bảo Tuyền     | 14          | 98      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.872.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>210. Lớp: KT2420A2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2401309 | Nguyễn Thị Quỳnh Anh  | 16          | 100     | 3.81    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2401317 | Lê Thị Ái Duyên       | 14          | 100     | 3.77    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2401328 | Lê Kim Hương          | 14          | 100     | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.984.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>211. Lớp: KT2420A3</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2401283 | Nguyễn Phú Thịnh      | 12          | 90      | 3.96    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2401284 | Nguyễn Thị Diễm Thúy  | 14          | 93      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2401361 | Bùi Ngọc Lan Thanh    | 14          | 98      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.344.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>212. Lớp: KT2421A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2401410 | Nguyễn Thiên Hương    | 14          | 95      | 3.79    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2401427 | Hoàng Kim Oanh        | 15          | 94      | 3.68    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2401444 | Dương Thị Yến Vy      | 13          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.568.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>213. Lớp: KT2421A2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2401478 | Lê Phong Nhã          | 14          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2401495 | Vũ Thị Thùy Trang     | 13          | 90      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2401496 | Phan Đặng Thùy Trâm   | 15          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên             | TC<br>thực<br>học | Điểm<br>RL | Điểm<br>TB | Xếp loại<br>học bổng | HBKK<br>(đồng/HK) | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|-----------------------|-------------------|------------|------------|----------------------|-------------------|---------|
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.928.000 đồng</b> |          |                       |                   |            |            |                      |                   |         |
| <b>214. Lớp: KT2421F1</b>                         |          |                       |                   |            |            |                      |                   |         |
| 1                                                 | B2401526 | Võ Thanh Nhật Nam     | 15                | 80         | 3.75       | Giỏi                 | 11.220.000        |         |
| 2                                                 | B2401543 | Nguyễn Quế Trân       | 15                | 100        | 3.64       | Xuất sắc             | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |                   |            |            |                      | <b>24.310.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng</b> |          |                       |                   |            |            |                      |                   |         |
| <b>215. Lớp: KT2422A1</b>                         |          |                       |                   |            |            |                      |                   |         |
| 1                                                 | B2401585 | Nguyễn Trọng Nhuận    | 13                | 85         | 3.81       | Giỏi                 | 7.920.000         |         |
| 2                                                 | B2401592 | Nguyễn Thúy Quỳnh     | 12                | 88         | 3.83       | Giỏi                 | 7.920.000         |         |
| 3                                                 | B2401598 | Trần Thị Anh Thư      | 12                | 92         | 3.67       | Xuất sắc             | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |                   |            |            |                      | <b>25.080.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.456.000 đồng</b> |          |                       |                   |            |            |                      |                   |         |
| <b>216. Lớp: KT2422A2</b>                         |          |                       |                   |            |            |                      |                   |         |
| 1                                                 | B2401610 | Đào Thị Ngọc Ánh      | 14                | 90         | 3.82       | Xuất sắc             | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2401622 | Phạm Thị Ngọc Hân     | 15                | 90         | 3.86       | Xuất sắc             | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2401640 | Võ Phan Bảo Ngọc      | 14                | 100        | 3.75       | Xuất sắc             | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |                   |            |            |                      | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.040.000 đồng</b> |          |                       |                   |            |            |                      |                   |         |
| <b>217. Lớp: KT2422A3</b>                         |          |                       |                   |            |            |                      |                   |         |
| 1                                                 | B2401680 | Nguyễn Ngọc Hân       | 12                | 90         | 3.92       | Xuất sắc             | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2401684 | Huỳnh Thị Nhựt Huyền  | 14                | 96         | 3.89       | Xuất sắc             | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2401711 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | 13                | 94         | 3.88       | Xuất sắc             | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |                   |            |            |                      | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.344.000 đồng</b> |          |                       |                   |            |            |                      |                   |         |
| <b>218. Lớp: KT2422F1</b>                         |          |                       |                   |            |            |                      |                   |         |
| 1                                                 | B2401814 | Nguyễn Ngọc Thảo Ly   | 13                | 100        | 3.85       | Xuất sắc             | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2401833 | Phạm Gia Thịnh        | 13                | 97         | 3.77       | Xuất sắc             | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |                   |            |            |                      | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 32.164.000 đồng</b> |          |                       |                   |            |            |                      |                   |         |
| <b>219. Lớp: KT2422F2</b>                         |          |                       |                   |            |            |                      |                   |         |
| 1                                                 | B2401853 | Mai Diễm Huỳnh        | 13                | 95         | 3.65       | Xuất sắc             | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2401875 | Mạch Nhật Thịnh       | 13                | 93         | 3.65       | Xuất sắc             | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |                   |            |            |                      | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng</b> |          |                       |                   |            |            |                      |                   |         |
| <b>220. Lớp: KT2423A1</b>                         |          |                       |                   |            |            |                      |                   |         |
| 1                                                 | B2401904 | Huỳnh Thị Ngọc Hân    | 14                | 86         | 3.64       | Giỏi                 | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2401914 | Lê Hoàng Kha          | 13                | 95         | 3.58       | Giỏi                 | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2401920 | Nguyễn Thành Lộc      | 14                | 92         | 3.5        | Giỏi                 | 9.050.000         |         |
| 4                                                 | B2401950 | Nguyễn Lê Ái Tâm      | 13                | 95         | 3.42       | Giỏi                 | 9.050.000         |         |
| 5                                                 | B2401971 | Trương Đình Trí       | 13                | 98         | 3.58       | Giỏi                 | 9.050.000         |         |
| 6                                                 | B2401977 | Trần Như Uyên         | 13                | 90         | 3.42       | Giỏi                 | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |                   |            |            |                      | <b>54.300.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 57.304.000 đồng</b> |          |                       |                   |            |            |                      |                   |         |
| <b>221. Lớp: KT2423A2</b>                         |          |                       |                   |            |            |                      |                   |         |
| 1                                                 | B2401993 | Võ Thị Vân Anh        | 13                | 92         | 3.83       | Xuất sắc             | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2402003 | Hà Đặng Minh Đăng     | 12                | 90         | 3.29       | Giỏi                 | 9.050.000         |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên                | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|--------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 3                                                 | B2402021 | Võ Thị Linh              | 13          | 82      | 3.25    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 4                                                 | B2402049 | Nguyễn Thụy Phương Quyên | 13          | 92      | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 5                                                 | B2402082 | Nguyễn Huỳnh Thảo Vy     | 19          | 84      | 3.53    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                          |             |         |         |                   | <b>48.270.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 50.668.800 đồng</b> |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>222. Lớp: KT2445A1</b>                         |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2402766 | Lê Huỳnh Như Anh         | 14          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2402819 | Đỗ Thị Ngọc Trúc         | 14          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2402822 | Huỳnh Diệp Văn           | 14          | 96      | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                          |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.040.000 đồng</b> |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>223. Lớp: KT2445A2</b>                         |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2402831 | Đinh Thị Quỳnh Châu      | 12          | 100     | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2402838 | Nguyễn Phan Gia Hân      | 14          | 90      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2402861 | Phạm Thế Quang           | 12          | 97      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                          |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.568.000 đồng</b> |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>224. Lớp: KT2490A1</b>                         |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2404684 | Trần Khánh Duy           | 14          | 97      | 3.57    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 2                                                 | B2404710 | Bùi Yến Sang             | 14          | 96      | 3.43    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                          |             |         |         |                   | <b>15.840.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng</b> |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>225. Lớp: KT2490A2</b>                         |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2404727 | Nguyễn Ngọc Ánh          | 12          | 95      | 3.71    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2404769 | Trần Ngọc Kiều Vy        | 12          | 98      | 3.79    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                          |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng</b> |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>226. Lớp: KT24V5A1</b>                         |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2408541 | Huỳnh Thị Kim Lanh       | 15          | 96      | 3.6     | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2408561 | Huỳnh Ngọc Hoài Trân     | 13          | 93      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                          |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng</b> |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>227. Lớp: KT24V5A2</b>                         |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2408567 | Trần Văn Lâm Anh         | 14          | 95      | 3.77    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2408590 | Trần Hồng Nhung          | 13          | 100     | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                          |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng</b> |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>228. Lớp: KT24W1A1</b>                         |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409200 | Lê Thị Cẩm Bình          | 14          | 90      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2409205 | Phan Tấn Đạt             | 16          | 100     | 3.9     | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2409243 | Cao Quốc Trọng           | 14          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                          |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.232.000 đồng</b> |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>229. Lớp: KT24W1A2</b>                         |          |                          |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409255 | Nguyễn Thị Huỳnh Giao    | 14          | 90      | 3.75    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2409287 | Phạm Nguyễn Anh Thư      | 12          | 92      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>230. Lớp: KT24W2A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409303 | Triệu Gia Đạt          | 12          | 88      | 3.83    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 2                                                 | B2409317 | Trịnh Kim Nga          | 13          | 96      | 3.67    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2409331 | Nguyễn Thanh Thảo      | 14          | 90      | 3.64    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.400.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.928.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>231. Lớp: KT24W2A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409363 | Huỳnh Giao             | 13          | 100     | 3.67    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2409377 | Nguyễn Thị Kim Ngân    | 13          | 93      | 3.71    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2409397 | Quách Thị Kim Trang    | 12          | 90      | 3.71    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.400.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>232. Lớp: KT24W2F1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409418 | Nguyễn Ngọc Diễm       | 13          | 80      | 3.62    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| 2                                                 | B2409430 | Mai Việt Lâm           | 13          | 80      | 3.62    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| 3                                                 | B2409435 | Nguyễn Thu Ngân        | 13          | 85      | 3.69    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>33.660.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>233. Lớp: KT24W3A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409463 | Nguyễn Thị Lan Anh     | 12          | 96      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2409479 | Trần Thị Thảo Mi       | 13          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2409481 | Trần Thị Thảo My       | 14          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.984.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>234. Lớp: KT24W3A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409538 | Phùng Thị Tuyết Ngân   | 12          | 96      | 3.73    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2409551 | Nguyễn Hoàng Thái      | 13          | 90      | 3.81    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2409558 | Lê Thị Bảo Trang       | 13          | 98      | 3.79    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.984.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>235. Lớp: KT24W4A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409577 | Nguyễn Trần Gia Bảo    | 13          | 97      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2409586 | Nguyễn Ngọc Huỳnh Giao | 13          | 94      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2409597 | Trần Đăng Khoa         | 13          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.760.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>236. Lớp: KT24W4A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409654 | Đoàn Mỹ Đình           | 13          | 94      | 3.81    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2409656 | Phạm Thị Ngọc Gấm      | 15          | 90      | 3.68    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2409662 | Quách Hưng Huy         | 13          | 88      | 3.81    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.400.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.288.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>237. Lớp: KT24W4A3</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409591 | Nguyễn Ngọc Hân        | 13          | 84      | 3.92    | Giỏi              | 7.920.000         |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 2                                                 | B2409619 | Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh | 13          | 84      | 3.88    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 3                                                 | B2409671 | Lê Vũ Luân             | 13          | 98      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>25.080.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.288.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>238. Lớp: KT24W4F1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409739 | Lê Đoàn Yên Nhi        | 12          | 93      | 3.82    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2409751 | Phạm Bảo Trân          | 12          | 100     | 3.82    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.692.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>239. Lớp: KT24W4F2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409778 | Lư Kim Ngân            | 14          | 90      | 3.73    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2409789 | Trần Hoàng Thái        | 14          | 95      | 3.85    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.196.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>240. Lớp: KT24W4F3</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409719 | Huỳnh Lê Thanh Duy     | 13          | 97      | 3.77    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2409788 | Nguyễn Thị Ngọc Quý    | 13          | 97      | 3.82    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>241. Lớp: HG2263A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2201782 | Huỳnh Văn Đoàn         | 15          | 100     | 3.64    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2201804 | Võ Chí Phong           | 13          | 81      | 3.5     | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 3                                                 | B2201818 | Danh Khanh Trung       | 16          | 100     | 3.56    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>25.080.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>242. Lớp: HG2363A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2301987 | Huỳnh Duy Nguyễn       | 17          | 100     | 3.76    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2302020 | Cao Anh Thư            | 13          | 91      | 3.73    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>243. Lớp: HG2363A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2301977 | Võ Ngọc Xuân Mai       | 14          | 81      | 3.58    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 2                                                 | B2301978 | Nguyễn Thị Diễm My     | 17          | 88      | 3.71    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>15.840.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.480.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>244. Lớp: HG2463A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2403073 | Nguyễn Chí Linh        | 14          | 91      | 3.71    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2403079 | Lưu Thị Như Nga        | 14          | 97      | 3.57    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 3                                                 | B2403091 | Huỳnh Thị Diễm Sương   | 14          | 92      | 3.57    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>25.080.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.176.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>245. Lớp: HG2463A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2403108 | Nguyễn Thị Hồng Cúc    | 13          | 98      | 3.83    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2403114 | Nguyễn Ngọc Hân        | 13          | 97      | 3.75    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.176.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên            | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>246. Lớp: LK2263A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2201647 | Đỗ Kim Huỳnh         | 15          | 100     | 3.82    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2201694 | Ong Trọng Tứ         | 13          | 85      | 4       | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 3                                                 | B2201707 | Nguyễn Tường Duy     | 15          | 92      | 3.7     | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>26.400.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.344.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>247. Lớp: LK2264A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2201565 | Tạ Nhật Duy          | 13          | 94      | 3.77    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2201584 | Trần Gia Luật        | 15          | 94      | 3.9     | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2201668 | Châu Tâm Như         | 15          | 93      | 3.73    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 4                                                 | B2201686 | Trần Gia Nhật Tiền   | 15          | 92      | 3.77    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 5                                                 | B2201689 | Huỳnh Diễm Trinh     | 12          | 90      | 3.71    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>46.200.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 44.880.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>248. Lớp: LK2265A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2201561 | Huỳnh Ngọc Thái Bình | 12          | 97      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2201627 | Huỳnh Ngọc Yên       | 13          | 98      | 3.77    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2201747 | Nguyễn Trọng Tài     | 17          | 91      | 3.72    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.984.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>249. Lớp: LK2363A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2301799 | Mai Thị Kim Ngân     | 15          | 92      | 3.71    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2301927 | Lê Quốc Thanh        | 14          | 100     | 3.79    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.288.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>250. Lớp: LK2363A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2301836 | Nguyễn Thành Chí     | 16          | 91      | 3.72    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2301928 | Nguyễn Thị Ngọc Thảo | 16          | 89      | 3.67    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>17.160.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.896.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>251. Lớp: LK2365A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2301785 | Dương Gia Hân        | 17          | 97      | 3.81    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2301790 | Dư Thị Mỹ Hương      | 17          | 90      | 3.81    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2301825 | Trần Tuấn Vĩ         | 14          | 99      | 3.64    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.344.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>252. Lớp: LK2365A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2301881 | Trần Minh Vàng       | 15          | 88      | 3.68    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 2                                                 | B2301915 | Trần Hoàng Nghiệp    | 16          | 98      | 3.6     | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2301916 | Lê Khánh Ngọc        | 17          | 94      | 3.94    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>26.400.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.344.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>253. Lớp: LK23S9A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2304813 | Nguyễn Ngọc Hân      | 19          | 99      | 3.79    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2304835 | Huỳnh Như Ngọc       | 14          | 90      | 3.86    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên             | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|-----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.176.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>254. Lớp: LK23S9A2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2304799 | Bùi Quốc Cường        | 13          | 99      | 3.73    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2304824 | Nguyễn Trần Kiến Khoa | 15          | 91      | 3.75    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.176.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>255. Lớp: LK2463A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2402539 | Lữ Thị Kim Chi        | 15          | 97      | 3.71    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2402542 | Nguyễn Hà Khánh Dư    | 13          | 95      | 3.67    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2402616 | Trần Thị Bảo Châu     | 15          | 80      | 3.6     | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>26.400.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.040.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>256. Lớp: LK2463A2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2402487 | Đoàn Khả My           | 14          | 98      | 3.81    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2402495 | Nguyễn Văn Nhi        | 12          | 98      | 3.67    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2402662 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | 14          | 95      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.512.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>257. Lớp: LK2465A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2402430 | Phạm Thị Hoài Thu     | 12          | 97      | 3.91    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2402536 | Nguyễn Hồng Ánh       | 13          | 92      | 3.83    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2402577 | Cao Văn Tấn Phát      | 13          | 97      | 3.71    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 4                                                 | B2402595 | Huỳnh Thị Mỹ Trinh    | 14          | 93      | 3.73    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 5                                                 | B2402601 | Cao Hoàng Văn         | 14          | 97      | 3.69    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>46.200.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 42.240.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>258. Lớp: LK2465A2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2402633 | Dương Tuấn Khang      | 14          | 100     | 3.69    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2402647 | Nguyễn Thị Bảo Ngọc   | 16          | 98      | 3.83    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2402649 | Trần Thị Thanh Nhã    | 15          | 98      | 3.67    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 4                                                 | B2402652 | Huỳnh Như             | 14          | 91      | 3.73    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 5                                                 | B2402676 | Nguyễn Thị Bích Tuyền | 14          | 93      | 3.69    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>46.200.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 43.296.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>259. Lớp: LK24S9A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2406537 | Nguyễn Thị Trúc Liên  | 16          | 92      | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2406538 | Nguyễn Văn Linh       | 16          | 99      | 3.87    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2406559 | Đào Thị Minh Tâm      | 16          | 94      | 3.87    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 4                                                 | B2406565 | Trần Thị Minh Thư     | 14          | 92      | 3.85    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>36.960.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.792.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>260. Lớp: LK24S9A2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2406601 | Hồ Thị Thu Hương      | 16          | 93      | 3.87    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2406604 | Bùi Hà Gia Kim        | 16          | 94      | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2406633 | Nguyễn Thị Minh Thư   | 16          | 100     | 3.87    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 4                                                 | B2406648 | Trần Nguyễn Khánh Vy  | 15          | 100     | 3.87    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên               | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|-------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>36.960.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 32.736.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>261. Lớp: MT2225A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2201423 | Nguyễn Thị Như Huỳnh    | 14          | 100     | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2201437 | Trang Diễm My           | 12          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2201454 | Nguyễn Thị Trúc Phương  | 14          | 99      | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 4                                                 | B2201468 | Lý Mạnh Toàn            | 14          | 91      | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>36.960.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 35.376.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>262. Lớp: MT2225A2</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2201485 | Huỳnh Bảo Châu          | 15          | 96      | 3.87    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2201511 | Trương Thị Thùy Linh    | 12          | 100     | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2201512 | Đặng Dương Luân         | 12          | 100     | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 4                                                 | B2201543 | Nguyễn Cẩm Tiên         | 12          | 94      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>36.960.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 35.904.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>263. Lớp: MT2238A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2201862 | Trần Thị Mỹ Trân        | 14          | 91      | 3.86    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2201863 | Trần Thị Ánh Tuyết      | 17          | 90      | 3.85    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>19.040.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.760.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>264. Lớp: MT2238A2</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2201870 | Trần Thị Lan Châu       | 12          | 91      | 3.75    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2201898 | Trần Hữu Tài            | 14          | 83      | 3.64    | Giỏi              | 8.160.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>17.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.040.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>265. Lớp: MT2257A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202157 | Quách Hữu Đăng          | 14          | 81      | 3.79    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2202166 | Phạm Thị Tuyết Hương    | 13          | 81      | 3.58    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2202198 | Nguyễn Việt Thắng       | 14          | 81      | 3.57    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 4                                                 | B2202202 | Trần Nguyễn Phương Thủy | 15          | 95      | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>37.710.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.779.200 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>266. Lớp: MT22D4A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203852 | Châu Hà Anh             | 12          | 90      | 3.83    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2203871 | Lê Thị Kim Mai          | 12          | 90      | 3.83    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.080.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>267. Lớp: MT22X7A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2207115 | Diệp Hiếu Huy           | 13          | 100     | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2207116 | Nguyễn Nhựt Huy         | 13          | 94      | 3.73    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>268. Lớp: MT22X7A2</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2207155 | Bùi Thị Bảo Anh         | 13          | 94      | 3.85    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2207199 | Hồ Thị Ngọc Trinh       | 17          | 96      | 3.74    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên               | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|-------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>269. Lớp: MT2325A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2301631 | Lê Trọng Hiếu           | 14          | 95      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2301668 | Trịnh Nguyễn Tiến Phát  | 15          | 91      | 3.8     | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2301680 | Huỳnh Thị Cẩm Thy       | 16          | 96      | 3.8     | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 4                                                 | B2301685 | Nguyễn Thị Hồng Trúc    | 16          | 100     | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>36.960.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.792.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>270. Lớp: MT2325A2</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2301699 | Nguyễn Thành Danh       | 15          | 93      | 3.82    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2301705 | Nguyễn Thành Đạt        | 16          | 98      | 3.67    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2301734 | Trần Thị Ngân           | 14          | 93      | 3.69    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 4                                                 | B2301762 | Nguyễn Phước Truyền     | 14          | 100     | 3.77    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>36.960.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.792.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>271. Lớp: MT2338A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2302045 | Phạm Thiên Ái           | 15          | 86      | 3.57    | Giỏi              | 8.160.000         |         |
| 2                                                 | B2302057 | Nguyễn Văn Khánh        | 19          | 81      | 3.67    | Giỏi              | 8.160.000         |         |
| 3                                                 | B2302072 | Nguyễn Ngọc Xuân Phương | 19          | 91      | 3.61    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>25.840.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.848.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>272. Lớp: MT2338A2</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2302115 | Võ Kim Ngọc             | 17          | 89      | 3.63    | Giỏi              | 8.160.000         |         |
| 2                                                 | B2302123 | Trương Thị Tú Sương     | 20          | 88      | 3.61    | Giỏi              | 8.160.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>16.320.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>273. Lớp: MT2357A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2302407 | Nguyễn Phước Sang       | 13          | 91      | 3.69    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2302427 | Nguyễn Ngọc Đoàn Trinh  | 14          | 97      | 3.85    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | C2300091 | Lê Thị Ngọc Trân        | 13          | 91      | 3.85    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.779.200 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>274. Lớp: MT23D4A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2304208 | Tôn Gia Đạt             | 12          | 92      | 3.09    | Khá               | 7.540.000         |         |
| 2                                                 | B2304217 | Lê Hoàng Huy            | 12          | 94      | 3.32    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2304249 | Lâm Trọng Tiến          | 12          | 82      | 3.32    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 4                                                 | B2304259 | Trần Thị Ngọc Ý         | 13          | 89      | 3.04    | Khá               | 7.540.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>33.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.556.800 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>275. Lớp: MT23S8A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2304731 | Châu Thị Tú Anh         | 13          | 95      | 3.62    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2304768 | Nguyễn Tố Như           | 12          | 93      | 3.91    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2304780 | Đoàn Trương Bảo Thuận   | 12          | 90      | 3.64    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên               | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|-------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>276. Lớp: MT23X7A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307818 | Lê Dương Thúy Hân       | 16          | 97      | 3.69    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2307825 | Phạm Đình Khải          | 15          | 91      | 3.79    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2307838 | Nguyễn Dĩ Nghiệp        | 15          | 91      | 3.79    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.344.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>277. Lớp: MT23X7A2</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307902 | Dương Thị Ngọc Mai      | 17          | 90      | 3.63    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2307923 | Lê Thị Thu Thảo         | 16          | 95      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2307932 | Nguyễn Huỳnh Trân       | 15          | 91      | 3.79    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.040.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>278. Lớp: MT2425A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2402257 | Huỳnh Nhật Hào          | 15          | 95      | 3.83    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2402260 | Lâm Thị Kim Huệ         | 15          | 90      | 3.7     | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2402277 | Ngô Thanh Ngân          | 13          | 91      | 3.73    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 32.208.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>279. Lớp: MT2425A2</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2402311 | Võ Đức Anh              | 14          | 93      | 3.77    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2402332 | Nguyễn Nguyễn Anh Khôi  | 17          | 95      | 3.74    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2402361 | Ong Quốc Tân            | 16          | 93      | 3.7     | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.096.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>280. Lớp: MT2438A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2402693 | Nguyễn Ngọc Minh Châu   | 14          | 93      | 3.86    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2402722 | Cao Phạm Thanh Trúc     | 14          | 80      | 3.64    | Giỏi              | 8.160.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>17.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.320.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>281. Lớp: MT2438A2</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2402726 | Đoàn Minh Anh           | 14          | 89      | 3.57    | Giỏi              | 8.160.000         |         |
| 2                                                 | B2402747 | Nguyễn Tuyết Ngân       | 14          | 87      | 3.57    | Giỏi              | 8.160.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>16.320.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.776.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>282. Lớp: MT2457A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2403016 | Nguyễn Ngọc Lễ          | 14          | 76      | 3.14    | Khá               | 7.540.000         |         |
| 2                                                 | B2403024 | Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên | 14          | 90      | 3.86    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2403046 | Trương Mỹ Trân          | 14          | 87      | 3.86    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.160.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>283. Lớp: MT24D4A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405681 | Phan Lưu Tuyết Nhi      | 14          | 90      | 3.86    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2405697 | Nguyễn Gia Uy           | 12          | 91      | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>284. Lớp: MT24S8A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 1                                                 | B2406428 | Thái Nhật Anh          | 14          | 82      | 3.71    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2406430 | Lương Ngọc Ánh         | 14          | 81      | 3.86    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2406431 | Lương Nhật Ánh         | 14          | 83      | 3.79    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 4                                                 | B2406434 | Hà Lê Thu Diễm         | 14          | 93      | 3.71    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 5                                                 | B2406475 | Lý Phương Nhi          | 14          | 94      | 3.64    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>48.270.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 47.652.800 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>285. Lớp: MT24X7A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2410184 | Nguyễn Thị Ngọc Cẩm    | 12          | 91      | 3.83    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2410200 | Nguyễn Thị Mỹ Huỳnh    | 12          | 96      | 3.75    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2410202 | Châu Đình Khang        | 12          | 92      | 3.67    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.152.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>286. Lớp: MT24X7A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2410270 | Phan Thị Mỹ Huyền      | 13          | 95      | 3.75    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2410290 | Phạm Tuyết Nhi         | 12          | 93      | 3.67    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2410323 | Nguyễn Thị Như Ý       | 14          | 90      | 3.71    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.512.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>287. Lớp: NN2219A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200712 | Trần Ngọc Yến Phương   | 12          | 88      | 4       | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2200721 | Dư Thị Thanh Tuyền     | 12          | 82      | 4       | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.100.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.286.400 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>288. Lớp: NN2219A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200729 | Phạm Trần Ngọc Giàu    | 12          | 98      | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2200745 | Võ Hoàng Nam Phương    | 12          | 86      | 3.75    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>19.610.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.889.600 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>289. Lớp: NN2267A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202382 | Nguyễn Bảo Chăm        | 15          | 93      | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2202436 | Nguyễn Huỳnh Thùy Tiên | 15          | 94      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2202441 | Nguyễn Thị Diễm Trang  | 15          | 100     | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2202450 | Dương Đại Vĩ           | 14          | 92      | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 43.430.400 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>290. Lớp: NN2267A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202458 | Nguyễn Lê Thái Chân    | 15          | 92      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2202459 | Nguyễn Mai Kim Chi     | 14          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2202484 | Bùi Trần Ngọc Mỹ       | 13          | 91      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2202492 | Trương Thị Cẩm Nhung   | 14          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 41.620.800 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>291. Lớp: NN2273A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202749 | Nguyễn Thị Minh Thu    | 15          | 80      | 3.8     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2202755 | Trương Thị Ngọc Tú     | 15          | 100     | 3.73    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên            | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 3                                                 | B2202758 | Phạm Thị Bảo Xuyên   | 15          | 100     | 3.8     | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>30.170.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.747.200 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>292. Lớp: NN2273A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202761 | Lê Thị Huyền Chân    | 13          | 92      | 3.69    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2202784 | Nguyễn Ngọc Nhi      | 15          | 92      | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>293. Lớp: NN22S1A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203982 | Dương Ngọc Hân       | 15          | 100     | 3.87    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2204011 | Phạm Quốc Trung      | 15          | 93      | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.318.400 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>294. Lớp: NN22S1A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2204026 | Huỳnh Thị Tú Huyền   | 12          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2204049 | Ngô Anh Thư          | 15          | 97      | 3.87    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.715.200 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>295. Lớp: NN22S4A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202616 | Lê Phúc Bảo          | 16          | 82      | 3.41    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2202636 | Huỳnh Xuân Mai       | 14          | 94      | 3.79    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>19.610.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.302.400 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>296. Lớp: NN22S4A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202666 | Nguyễn Lê Duy        | 14          | 86      | 3.61    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2202686 | Dương Huỳnh Mẫn Nghi | 12          | 100     | 3.63    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>19.610.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.492.800 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>297. Lớp: NN22S6A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2207245 | Phạm Thị Bích Trân   | 17          | 100     | 3.82    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2207280 | Nguyễn Thị Quỳnh Như | 17          | 100     | 3.71    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.096.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>298. Lớp: NN22V8A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206082 | Dương Đình Trí       | 20          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>9.520.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.024.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>299. Lớp: NN22X8A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2207214 | Biện Thị Huỳnh Giao  | 13          | 84      | 4       | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2207241 | Đoàn Đặng Minh Thư   | 13          | 86      | 3.85    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2207258 | Nguyễn Khánh Duy     | 13          | 81      | 3.85    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>300. Lớp: NN2319A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2300806 | Nguyễn Phước Điền    | 15          | 92      | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2300815 | Nguyễn Hữu Khang     | 13          | 100     | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên            | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>301. Lớp: NN2319A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2300876 | Lê Anh Khôi          | 14          | 96      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2300904 | Lý Ngọc Trâm         | 13          | 94      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>302. Lớp: NN2367A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2302636 | Nguyễn Thị Hồng Chi  | 12          | 90      | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2302641 | Phạm Thành Đạt       | 12          | 100     | 3.83    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2302642 | Trương Thị Ngọc Đình | 12          | 100     | 3.83    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2302693 | Xa Ngọc Như Ý        | 12          | 98      | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.382.400 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>303. Lớp: NN2367A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2302698 | Võ Hoàng Bảo         | 12          | 100     | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2302704 | Nguyễn Trí Đạt       | 12          | 100     | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2302730 | Nguyễn Chí Thanh     | 12          | 100     | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 32.572.800 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>304. Lớp: NN2373A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2302921 | Lưu Phú Hưng         | 15          | 83      | 3.77    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2302930 | Trần Thành Lý        | 14          | 100     | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2302934 | Nguyễn Thị Mỹ Ngọc   | 16          | 96      | 3.53    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 4                                                 | B2302936 | Trần Thanh Nhã       | 15          | 91      | 3.6     | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>39.220.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 35.588.800 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>305. Lớp: NN2373A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2302998 | Phạm Minh Mẫn        | 16          | 93      | 3.87    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2303011 | Nguyễn Trọng Phúc    | 16          | 94      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2303013 | Trần Bùi Thành Phước | 17          | 98      | 3.91    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>306. Lớp: NN2373A3</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2303050 | Lê Văn Hào           | 14          | 92      | 3.68    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2303095 | Nguyễn Trung Tính    | 13          | 93      | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2303103 | Trịnh Trương Vỹ      | 14          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.779.200 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>307. Lớp: NN23S1A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2304377 | Đoàn Gia Hân         | 14          | 82      | 3.57    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2304398 | Trần Mỹ Ngọc         | 12          | 98      | 3.91    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2304426 | Nguyễn Công Trứ      | 18          | 97      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>30.170.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.556.800 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>308. Lớp: NN23S1A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên             | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|-----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 1                                                 | B2304447 | Mai Công Hậu          | 15          | 90      | 3.82    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2304476 | Chau Sóc Phiếp        | 15          | 100     | 3.82    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2304490 | Nguyễn Thị Minh Thu   | 12          | 90      | 3.86    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>309. Lớp: NN23S4A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2302852 | Lê Anh Khoa           | 16          | 90      | 3.44    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2302858 | Nguyễn Minh Mẫn       | 14          | 89      | 3.54    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2302873 | Nguyễn Thị Huỳnh Như  | 14          | 87      | 3.38    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>310. Lớp: NN23S6A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307966 | Lê Đức Hưng           | 13          | 100     | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2308072 | Phạm Trường Thịnh     | 13          | 94      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.508.800 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>311. Lớp: NN23V8A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306730 | Lương Ngọc Quyên      | 14          | 97      | 3.75    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 2                                                 | B2306739 | Nguyễn Lê Minh Thu    | 15          | 100     | 3.77    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| 3                                                 | B2306743 | Huỳnh Bảo Trang       | 14          | 95      | 3.77    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>28.560.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.936.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>312. Lớp: NN23X8A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307976 | Trần Nguyễn Ngân Ngân | 13          | 92      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2307997 | Trần Thị Ngọc Thiện   | 15          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2308010 | Huỳnh Nhã Vy          | 16          | 100     | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2308015 | Lê Thị Kim Yến        | 16          | 94      | 3.87    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 46.446.400 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>313. Lớp: NN23X9A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2308110 | Trương Thị Kiều Oanh  | 14          | 100     | 3.64    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>10.560.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 13.270.400 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>314. Lớp: NN23X9A2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2308147 | Trần Thanh Thảo       | 16          | 92      | 3.44    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>9.050.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 12.064.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>315. Lớp: NN2419A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2401087 | Nguyễn Thanh Hoàng    | 12          | 86      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2401123 | Nguyễn Hữu Thịnh      | 14          | 82      | 3.58    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2401131 | Trần Yên Trang        | 14          | 86      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 4                                                 | B2401136 | Nguyễn Tiến Trung     | 14          | 82      | 3.58    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>36.200.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>316. Lớp: NN2419A2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2401152 | Quách Trần Khánh Băng | 14          | 82      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên             | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|-----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 2                                                 | B2401183 | Bùi Vũ Tiểu My        | 14          | 88      | 3.65    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2401190 | Trần Trường Phi       | 14          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2401201 | Nguyễn Lê Minh Thuận  | 14          | 86      | 3.65    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>37.710.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.001.600 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>317. Lớp: NN2467A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2403556 | Phạm Vĩnh Phúc        | 13          | 94      | 3.79    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2403564 | Dương Phước Thọ       | 12          | 90      | 3.91    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2403577 | Lê Phương Uyên        | 14          | 90      | 3.69    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2403578 | Vũ Tường Vi           | 13          | 92      | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>318. Lớp: NN2467A2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2403587 | Nguyễn Trọng Bằng     | 12          | 100     | 3.73    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2403589 | Phạm Thị Kim Chi      | 14          | 91      | 3.85    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2403601 | Nguyễn Thị Xuân Hiền  | 12          | 100     | 3.73    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2403652 | Nguyễn Thanh Trúc     | 13          | 95      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 41.620.800 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>319. Lớp: NN2467A3</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2403659 | Dương Ngô Quỳnh Anh   | 13          | 97      | 3.85    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2403690 | Nguyễn Thị Phương Mai | 16          | 90      | 3.9     | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2403692 | Trung Giám Minh       | 14          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>320. Lớp: NN2473A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2403897 | Hoàng Tuấn Anh        | 14          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2403921 | Nguyễn Thị Bích Hợp   | 13          | 100     | 3.79    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2403932 | Nguyễn Thị Trúc Linh  | 15          | 96      | 3.83    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2403974 | Lê Thị Thủy Trang     | 13          | 95      | 3.83    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 47.652.800 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>321. Lớp: NN2473A2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2404011 | Tạ Anh Hậu            | 12          | 91      | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2404036 | Đỗ Hồng Ngọc          | 13          | 97      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2404079 | Nguyễn Trung Vĩnh     | 15          | 90      | 3.61    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2404080 | Nguyễn Thảo Vy        | 15          | 90      | 3.61    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 43.430.400 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>322. Lớp: NN2473A3</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2404091 | Phạm Võ Chí Công      | 13          | 94      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2404130 | Mai Hoàng Nhã         | 13          | 100     | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2404137 | Cao Thành Phát        | 13          | 100     | 3.71    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2404139 | Trần Văn Phi          | 13          | 95      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 45.240.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên             | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|-----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>323. Lớp: NN24S1A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2406026 | Nguyễn Phước Huy      | 12          | 97      | 3.64    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2406060 | Lê Minh Thoại         | 14          | 89      | 4       | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2406061 | Lâm Thị Phương Thùy   | 14          | 97      | 3.73    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2406073 | Trần Nguyễn Đông Vy   | 14          | 94      | 3.54    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>39.220.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.985.600 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>324. Lớp: NN24S1A2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2406093 | Lê Đức Huy            | 14          | 100     | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2406107 | Trương Thị Diễm Mí    | 13          | 84      | 3.46    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2406113 | Lê Hoàng Yên Ngọc     | 13          | 97      | 3.46    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>28.660.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 32.572.800 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>325. Lớp: NN24S4A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2403860 | Nguyễn Hoàng Mỹ Ái    | 15          | 82      | 3.2     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2403892 | Nguyễn Thị Cẩm Tú     | 13          | 81      | 3.15    | Khá               | 7.540.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>16.590.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.683.200 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>326. Lớp: NN24S6A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2410359 | Chung Phát Lợi        | 15          | 97      | 3.63    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2410433 | Đỗ Anh Khoa           | 14          | 95      | 3.69    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2410442 | Phan Thị Ý Mỹ         | 14          | 93      | 3.85    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2410462 | Đỗ Nguyễn Quế Tâm     | 12          | 97      | 3.86    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.001.600 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>327. Lớp: NN24V8A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409049 | Huỳnh Thị Ngọc My     | 12          | 84      | 3.79    | Giỏi              | 8.160.000         |         |
| 2                                                 | B2409082 | Tăng Bảo Trân         | 13          | 94      | 3.58    | Giỏi              | 8.160.000         |         |
| 3                                                 | B2409094 | Nguyễn Thị Như Ý      | 13          | 97      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.520.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>25.840.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.376.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>328. Lớp: NN24X8A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2410387 | Đoàn Quốc Thắng       | 12          | 92      | 3.73    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2410400 | Nguyễn Thị Cẩm Vân    | 13          | 94      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.715.200 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>329. Lớp: NN24X8A2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2410420 | Trần Triệu Giao       | 13          | 100     | 3.25    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2410439 | Lê Thị Cẩm Ly         | 13          | 92      | 3.25    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>18.100.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.715.200 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>330. Lớp: NN24X9A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2410518 | Lê Trương Thiên Trang | 18          | 97      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2410519 | Trương Thị Kiều Trang | 13          | 95      | 3.58    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>18.100.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.699.200 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên            | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>331. Lớp: SP2201A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200008 | Trương Sơn Hà        | 12          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2200025 | Huỳnh Thị Thuý Quỳnh | 13          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>17.620.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.599.200 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>332. Lớp: SP2202A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200037 | Lê Hồ Nhật Huy       | 13          | 95      | 3.92    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 7.548.000 đồng</b>  |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>333. Lớp: SP2209A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200285 | Nguyễn Phương Duy    | 14          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 7.548.000 đồng</b>  |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>334. Lớp: SP2210A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200306 | Trần Thị Ngọc Linh   | 15          | 100     | 3.6     | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 6.038.400 đồng</b>  |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>335. Lớp: SP2216A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200603 | Nguyễn Thành Sơn     | 17          | 90      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 7.044.800 đồng</b>  |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>336. Lớp: SP2217A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200615 | Nguyễn Phạm Bảo Hân  | 12          | 93      | 3.67    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2200638 | Dương Khánh Vy       | 14          | 95      | 3.71    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>17.620.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.599.200 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>337. Lớp: SP2217A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200647 | Trịnh Ngọc Hân       | 12          | 93      | 3.75    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2200669 | Đặng Phạm Quốc Vương | 14          | 92      | 3.79    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>17.620.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.089.600 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>338. Lớp: SP2218A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200672 | Dương Hoàng Duy      | 14          | 98      | 3.93    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 9.057.600 đồng</b>  |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>339. Lớp: SP22U8A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205350 | Phan Văn Kha         | 14          | 96      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2205352 | Phùng Minh Khánh     | 16          | 90      | 3.94    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 3                                                 | B2205364 | Quách Kim Nguyên     | 14          | 81      | 3.89    | Giỏi              | 7.550.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>25.170.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.172.800 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>340. Lớp: SP22X3A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206933 | Nguyễn Thảo Duyên    | 13          | 100     | 3.77    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2206936 | Nguyễn Tuyết Hoa     | 13          | 100     | 3.77    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>17.620.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.618.400 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên            | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>341. Lớp: SP22X3A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206999 | Hà Mẫn Thành         | 14          | 94      | 3.92    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2207004 | Nguyễn Thị Thủy Tiên | 15          | 100     | 3.93    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>17.620.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.618.400 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>342. Lớp: SP2301A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2300004 | Thái Đức Hưng        | 16          | 92      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2300010 | Ngô Thị Như Nguyễn   | 15          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>17.620.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.096.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>343. Lớp: SP2302A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2300033 | Võ Thành Công        | 13          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 8.554.400 đồng</b>  |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>344. Lớp: SP2309A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2300304 | Nguyễn Văn Nhơn      | 16          | 95      | 3.93    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 8.051.200 đồng</b>  |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>345. Lớp: SP2310A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2300310 | Đoàn Nguyễn Gia An   | 15          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 7.548.000 đồng</b>  |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>346. Lớp: SP2316A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2300725 | Nguyễn Đào Gia Lạc   | 15          | 95      | 3.77    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 8.554.400 đồng</b>  |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>347. Lớp: SP2317A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2300739 | Nguyễn Kỳ Anh        | 17          | 100     | 3.85    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2300744 | Tạ Trung Hiếu        | 16          | 100     | 3.9     | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 3                                                 | B2300754 | Hồ Huỳnh Bạch Ngân   | 17          | 100     | 3.85    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>26.430.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.134.400 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>348. Lớp: SP2318A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2300799 | Trần Thị Trinh Thu   | 14          | 97      | 3.93    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 8.554.400 đồng</b>  |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>349. Lớp: SP23U8A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2305997 | Lê Nguyễn Trọng Đức  | 13          | 91      | 3.88    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2306002 | Trần Thái Huy        | 13          | 97      | 3.88    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 3                                                 | B2306017 | Phan Tú My           | 14          | 96      | 3.88    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>26.430.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.676.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>350. Lớp: SP23X3A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307644 | Trần Kiều Ngân       | 15          | 97      | 3.87    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2307665 | Dương Mộng Tuyền     | 14          | 100     | 3.93    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>17.620.000</b> |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.631.200 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>351. Lớp: SP23X3A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307689 | Nguyễn Thị Bảo Ngân    | 17          | 96      | 3.94    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2307691 | Nguyễn Thanh Bảo Ngọc  | 15          | 100     | 3.93    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>17.620.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.115.200 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>352. Lớp: SP2401A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400015 | Đào Thiên Lương        | 13          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2400018 | Nguyễn Quang Nghiêm    | 16          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>17.620.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.096.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>353. Lớp: SP2402A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400033 | Huỳnh Ngọc Hiền        | 14          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 9.560.800 đồng</b>  |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>354. Lớp: SP2409A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400573 | Lê Ngọc Hiếu Thuận     | 14          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 9.560.800 đồng</b>  |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>355. Lớp: SP2410A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400582 | Võ Thị Huỳnh Muội      | 12          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 9.560.800 đồng</b>  |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>356. Lớp: SP2416A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400959 | Chiêm Hoàng Ngân Giang | 16          | 100     | 3.93    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 8.554.400 đồng</b>  |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>357. Lớp: SP2417A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400992 | Nguyễn Thị Bảo Huỳnh   | 12          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2400998 | Trương Quốc Khánh      | 15          | 98      | 3.93    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 3                                                 | B2401013 | Trần Võ Phương Nhi     | 12          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 4                                                 | B2401044 | Lê Thúy Vy             | 12          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>35.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 35.224.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>358. Lớp: SP2418A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2401049 | Đinh Tuấn An           | 13          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 10.064.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>359. Lớp: SP24E1A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405823 | Nguyễn Thị Hoài Thư    | 12          | 97      | 3.83    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 9.057.600 đồng</b>  |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>360. Lớp: SP24E2A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405839 | Bùi Thị Tuyết Thơ      | 12          | 98      | 3.79    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 9.560.800 đồng</b>  |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên             | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|-----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>361. Lớp: SP24U8A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2408060 | Lê Thị Trường An      | 12          | 98      | 3.88    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2408068 | Nguyễn Hoàng Đạt      | 14          | 94      | 3.92    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 3                                                 | B2408081 | Nguyễn Thị Thu Hồng   | 13          | 96      | 3.88    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 4                                                 | B2408089 | Lê Hoàng Kiện         | 12          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>35.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 32.708.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>362. Lớp: SP24X3A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2410001 | Trần Khánh Duy        | 13          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2410015 | Mã Gia Nghi           | 12          | 93      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 3                                                 | B2410042 | Huỳnh Đặng Ngọc Ý     | 12          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>26.430.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.140.800 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>363. Lớp: SP24X3A2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2410057 | Nguyễn Nhật Hoàng     | 12          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2410078 | Nguyễn Hoàng Thông    | 13          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 3                                                 | B2410083 | Nguyễn Đặng Ngọc Trâm | 13          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>26.430.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.140.800 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>364. Lớp: TD22X6A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2207090 | Lê Thị Ngọc Quý       | 12          | 98      | 3.83    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2207102 | Trần Thị Ngọc Trinh   | 12          | 90      | 3.75    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>17.620.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.599.200 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>365. Lớp: TD23X6A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307757 | Nguyễn Hồng Sang Em   | 17          | 95      | 3.85    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2307763 | Trần Hồng Huyền       | 15          | 100     | 3.83    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 3                                                 | B2307789 | Lê Toàn Thắng         | 17          | 98      | 3.91    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>26.430.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.172.800 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>366. Lớp: TD24X6A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2410144 | Phan Hồng Anh         | 12          | 92      | 3.92    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2410181 | Bùi Nguyễn Thảo Vy    | 13          | 94      | 3.77    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>17.620.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.624.800 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>367. Lớp: TN2283A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203129 | Nguyễn Thị Thu Hiền   | 19          | 97      | 3.76    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2203149 | Trần Thanh Quý        | 14          | 87      | 3.57    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2203159 | Lê Thị Tường Vi       | 16          | 85      | 3.66    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>28.660.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>368. Lớp: TN2283A2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203170 | Bùi Văn Dương         | 13          | 83      | 3.46    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2203179 | Võ Huỳnh Mai          | 12          | 97      | 3.58    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2203185 | Nguyễn Hoàng Nhân     | 13          | 95      | 3.46    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên             | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|-----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>369. Lớp: TN2284A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202034 | Phạm Ngọc Lạc         | 12          | 93      | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>10.560.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 13.270.400 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>370. Lớp: TN22D5A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203891 | Đinh Thị Phương Đài   | 15          | 90      | 3.83    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2203912 | Nguyễn Minh Quý       | 13          | 95      | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>371. Lớp: TN22D5A2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203948 | Vương Nguyên Ngọc     | 13          | 100     | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2203954 | Phan Khương Thành Quý | 13          | 97      | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>372. Lớp: TN22S3A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2204158 | Nguyễn Gia Đạt        | 14          | 97      | 3.68    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2204172 | Lâm Thới Hưng         | 14          | 87      | 3.89    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2204177 | Dương Tuấn Khải       | 14          | 97      | 3.68    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2204200 | Trương Đặng Minh Quốc | 13          | 97      | 3.65    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>40.730.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 40.414.400 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>373. Lớp: TN22S5A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202036 | Hà Thái Luân          | 13          | 97      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2202042 | Tăng Thị Kim Ngân     | 16          | 95      | 3.81    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2205937 | Trần Minh Hải         | 20          | 95      | 3.83    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 35.588.800 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>374. Lớp: TN22S5A2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202116 | Lâm Phước Muôn        | 17          | 92      | 3.71    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2202131 | Trần Thanh Sang       | 19          | 99      | 3.71    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2202140 | Đào Nguyễn Minh Thư   | 16          | 90      | 3.81    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.382.400 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>375. Lớp: TN22T1A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2204220 | Văn Quốc Bình         | 15          | 90      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2204221 | Lê Viễn Châu          | 16          | 69      | 3.56    | Khá               | 7.540.000         |         |
| 3                                                 | B2204238 | Phan Hoàng Gia Huy    | 16          | 69      | 3.47    | Khá               | 7.540.000         |         |
| 4                                                 | B2204255 | Huỳnh Hoàng Luật      | 18          | 76      | 3.5     | Khá               | 7.540.000         |         |
| 5                                                 | B2204257 | Trần Duy Nam          | 19          | 67      | 3.45    | Khá               | 7.540.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>39.210.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>376. Lớp: TN22T4A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2204398 | Nguyễn Phước Nguyên   | 13          | 90      | 3.81    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2204401 | Phạm Huỳnh Như        | 14          | 95      | 3.89    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.096.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>377. Lớp: TN22T5A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2204419 | Bùi Quốc Anh           | 14          | 95      | 3.71    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2204458 | Trương Hiếu Nghĩa      | 15          | 100     | 3.73    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2204478 | Trương Đức Tín         | 13          | 100     | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.985.600 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>378. Lớp: TN22T5F1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2204530 | Nguyễn Minh Triều      | 17          | 96      | 3.27    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>11.220.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.708.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>379. Lớp: TN22T5F2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2204531 | Dương Đình Trí         | 13          | 80      | 3.31    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>11.220.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 13.464.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>380. Lớp: TN22T6A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2204542 | Nguyễn Thị Thúy Duy    | 18          | 92      | 3.81    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2204564 | Nguyễn Văn Khôi        | 16          | 93      | 3.78    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2204603 | Nguyễn Thị Mỹ Trinh    | 13          | 90      | 3.62    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2207135 | Dương Quốc Phong       | 16          | 87      | 3.69    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>40.730.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 41.620.800 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>381. Lớp: TN22T7A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2204629 | Trương Khánh Hà        | 16          | 100     | 3.81    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2204640 | Lý Phúc Khang          | 16          | 100     | 3.72    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2204653 | Đào Văn Ngon           | 19          | 99      | 3.68    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>382. Lớp: TN22T7A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2204702 | Phan Văn Tài Em        | 14          | 95      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2204719 | Huỳnh Văn Khoa         | 13          | 89      | 3.85    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2204747 | Trần Phú Thạnh         | 16          | 98      | 3.72    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2204750 | Nguyễn Thị Phương Thùy | 16          | 85      | 3.78    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>39.220.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>383. Lớp: TN22T7F1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2204767 | Nguyễn Trí Cường       | 13          | 88      | 3.81    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| 2                                                 | B2204779 | Nguyễn Thanh Hưng      | 13          | 92      | 4       | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>24.310.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>384. Lớp: TN22T7F2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2204818 | Trần Lê Gia Tân        | 13          | 90      | 3.92    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2204822 | Nguyễn Võ Ngọc Thùy    | 14          | 93      | 3.82    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.440.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>385. Lớp: TN22T8A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 1                                                 | B2204862 | Huỳnh Thị Ngọc Huyền   | 15          | 84      | 3.8     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2204877 | Lê Tấn Lộc             | 15          | 90      | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2204885 | Lê Chí Nguyên          | 20          | 100     | 3.6     | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2204889 | Nguyễn Phú Nhuận       | 17          | 100     | 3.82    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>40.730.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.001.600 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>386. Lớp: TN22V6A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205706 | Trần Gia Bảo           | 18          | 93      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2205738 | Võ Thị Thúy Quyên      | 12          | 90      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2205749 | Dương Châu Ngọc Trinh  | 15          | 93      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.953.600 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>387. Lớp: TN22V6A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205789 | Tân Thị Tú Quyên       | 14          | 91      | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2205792 | Lưu Hoàng Duy Thành    | 15          | 95      | 3.9     | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2205807 | Ngô Ngọc Nhật Vương    | 17          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.144.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>388. Lớp: TN22V6F1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205818 | Nguyễn Thị Thúy Hằng   | 13          | 97      | 3.81    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>13.090.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 12.716.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>389. Lớp: TN22V6F2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205813 | Trần Ngọc Giàu         | 15          | 97      | 3.8     | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>13.090.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 13.464.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>390. Lớp: TN22Y8A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2207389 | Nguyễn Mạnh Đạt        | 16          | 90      | 3.78    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2207419 | Tổng Thanh Phong       | 15          | 97      | 3.7     | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2207439 | Trần Kim Thuận         | 13          | 90      | 3.81    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2207440 | Nguyễn Phát Tí         | 15          | 90      | 3.73    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 41.017.600 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>391. Lớp: TN22Z5A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2207479 | Trần Thị Ngọc Kim Ngân | 16          | 90      | 3.63    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2207496 | Trần Tuấn Tài          | 15          | 91      | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2207501 | Lê Thịnh               | 15          | 100     | 3.9     | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.176.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>392. Lớp: TN2383A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2303458 | Mã Thị Kim Thư         | 14          | 95      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2303459 | Lê Vĩnh Tiến           | 15          | 87      | 3.77    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2303461 | Đoàn Thị Huỳnh Trân    | 17          | 95      | 3.59    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>393. Lớp: TN2383A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên            | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 1                                                 | B2303489 | Nguyễn Thị Yến Nhi   | 12          | 95      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2303496 | Trần Lê Minh Quân    | 13          | 96      | 3.63    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>19.610.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>394. Lớp: TN2384A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2302250 | Bùi Nguyễn Phúc Luân | 15          | 86      | 3.71    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2302251 | Trần Vũ Luân         | 17          | 89      | 3.79    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>18.100.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.683.200 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>395. Lớp: TN23D5A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2304268 | Nguyễn Ngọc Hân      | 14          | 90      | 3.89    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2304308 | Tạ Lan Vy            | 14          | 100     | 3.89    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.953.600 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>396. Lớp: TN23D5A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2304325 | Trương Thị Diệp Linh | 15          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2304335 | Võ Thị Quỳnh Như     | 13          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2304358 | Trương Thúy Hà Vy    | 13          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.350.400 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>397. Lớp: TN23S3A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2304614 | Huỳnh Hải Bằng       | 13          | 83      | 3.62    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2304638 | Nguyễn Ngọc Gia Hưng | 13          | 81      | 3.38    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2304642 | Trịnh Hồng Khanh     | 14          | 87      | 3.36    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 4                                                 | B2304669 | Nguyễn Ngân Thiện    | 16          | 93      | 3.47    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>36.200.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 40.414.400 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>398. Lớp: TN23S5A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2302244 | Nguyễn Tuấn Kiệt     | 16          | 92      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2302262 | Trần Hữu Phát        | 13          | 83      | 3.67    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2302269 | Lê Thành Quý         | 13          | 82      | 3.77    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>28.660.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.763.200 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>399. Lớp: TN23S5A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2302331 | Phạm Khôi Nguyên     | 17          | 97      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2302345 | Phạm Duy Tân         | 12          | 90      | 3.91    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2302347 | Lê Hoàng Thắng       | 14          | 92      | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.763.200 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>400. Lớp: TN23S7A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2304708 | Trần Trọng Nghĩa     | 13          | 83      | 3.58    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2304712 | Huỳnh Thanh Đức Phú  | 12          | 95      | 3.58    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2304725 | Châu Thị Ngọc Trâm   | 13          | 83      | 3.25    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>401. Lớp: TN23T1A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên            | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 1                                                 | B2304881 | Đoái Phước Bảo       | 14          | 69      | 3.64    | Khá               | 7.540.000         |         |
| 2                                                 | B2304891 | Nguyễn Hoàng Hiệp    | 17          | 76      | 3.75    | Khá               | 7.540.000         |         |
| 3                                                 | B2304903 | Huỳnh Tấn Lợi        | 14          | 75      | 3.64    | Khá               | 7.540.000         |         |
| 4                                                 | B2304915 | Nguyễn Trường Phát   | 12          | 90      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>31.670.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.953.600 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>402. Lớp: TN23T4A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2305035 | Phạm Ngọc Diệu       | 16          | 95      | 3.34    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2305045 | Hồ Đình Nhi Khang    | 17          | 93      | 3.44    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2305060 | Lương Ngọc Băng Tâm  | 16          | 95      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>403. Lớp: TN23T5A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2305093 | Tiêu Hữu Hậu         | 13          | 90      | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2305135 | Lê Minh Nhật         | 12          | 100     | 3.83    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2305150 | Lư Việt Tiến         | 12          | 81      | 3.91    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 4                                                 | B2305160 | Võ Lê Hồng Yến       | 12          | 90      | 3.68    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>40.730.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 44.636.800 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>404. Lớp: TN23T5F1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2305164 | Ngô Thành Đặng       | 13          | 86      | 3.5     | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| 2                                                 | B2305193 | Nguyễn Minh Thứ      | 13          | 87      | 3.65    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>22.440.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>405. Lớp: TN23T6A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2305233 | Lê Phan Nguyên Khánh | 14          | 85      | 4       | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2305236 | Trịnh Hoàng Vĩnh Kỳ  | 14          | 82      | 3.65    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2305247 | Vưu Quang Nhân       | 14          | 93      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2305266 | Lê Thanh Toàn        | 14          | 88      | 3.65    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>37.710.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>406. Lớp: TN23T7A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2305275 | Đỗ Thành An          | 16          | 91      | 3.73    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2305312 | Lê Thị Kiều          | 15          | 94      | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2305316 | Nguyễn Huỳnh Mạnh    | 15          | 100     | 3.8     | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2305321 | Bùi Chí Nhân         | 14          | 90      | 3.86    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 5                                                 | B2305323 | Nguyễn Tấn Phát      | 16          | 90      | 3.66    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>52.800.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 48.859.200 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>407. Lớp: TN23T7A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2305358 | Nguyễn Như Băng      | 16          | 91      | 3.78    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2305372 | Huỳnh Minh Hậu       | 16          | 95      | 3.87    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2305377 | Lương Gia Huy        | 16          | 93      | 3.87    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2305379 | Nguyễn Minh Huy      | 15          | 85      | 3.71    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>40.730.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 44.636.800 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên             | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|-----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>408. Lớp: TN23T7F1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2305458 | Nguyễn Bình Thanh Huy | 14          | 88      | 3.5     | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| 2                                                 | B2305500 | Lê Minh Tiến          | 12          | 96      | 3.04    | Khá               | 9.350.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>20.570.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>409. Lớp: TN23T7F2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2305436 | Nguyễn Tuyết Anh      | 15          | 84      | 3.25    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| 2                                                 | B2305499 | Lê Đồng Thức          | 15          | 95      | 2.93    | Khá               | 9.350.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>20.570.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.692.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>410. Lớp: TN23T8A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2305515 | Trần Ngọc Anh         | 14          | 91      | 3.36    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2305551 | Nguyễn Thanh Tiền     | 14          | 84      | 3.25    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2305555 | Trần Đình Trọng       | 12          | 100     | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>411. Lớp: TN23V6A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306381 | Nguyễn Hữu Lộc        | 17          | 99      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2306412 | Huỳnh Phan Khả Trân   | 19          | 100     | 3.95    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2306416 | Phan Thị Trúc Vy      | 17          | 98      | 3.82    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.160.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>412. Lớp: TN23V6A2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306428 | Nguyễn Gia Huy        | 19          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2306440 | Nguyễn Thanh Nhã      | 18          | 100     | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2306471 | Huỳnh Thị Mỹ Xuyên    | 15          | 97      | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.556.800 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>413. Lớp: TN23V6F1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306483 | Dương Chí Hường       | 14          | 90      | 3.93    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2306504 | Nguyễn Anh Thư        | 14          | 93      | 4       | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.432.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>414. Lớp: TN23Y8A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2308169 | Nguyễn Tấn Đạt        | 13          | 97      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2308174 | Huỳnh Ngọc Hào        | 14          | 97      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2308180 | Võ Đăng Đức Huy       | 14          | 92      | 3.85    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2308219 | Trần Đức Tiến         | 13          | 97      | 3.85    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 41.017.600 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>415. Lớp: TN23Y8F1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2308238 | Bùi Quốc Anh          | 13          | 90      | 3.5     | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| 2                                                 | B2308246 | Nguyễn Văn Hải        | 12          | 95      | 3.82    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>24.310.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.424.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>416. Lớp: TN23Z5A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên            | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 1                                                 | B2308287 | Đỗ Thanh Đức         | 14          | 95      | 3.71    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2308299 | Trần Đình Khai       | 17          | 89      | 4       | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2308322 | Hồ Thị Trúc Phương   | 16          | 95      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2308327 | Thạch Thảo           | 12          | 97      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>40.730.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 36.795.200 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>417. Lớp: TN2483A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2404511 | Nguyễn Văn Nhi Đang  | 12          | 97      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2404533 | Nguyễn Kim Nghi      | 12          | 95      | 3.73    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>418. Lớp: TN2483A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2404529 | Hồ Thị Thu Muội      | 14          | 91      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2404539 | Đặng Thị Ngọc Nhi    | 14          | 95      | 3.69    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>419. Lớp: TN2484A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2402907 | Trần Hoàng Khang     | 14          | 87      | 3.25    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2402920 | Bùi Lê Hoàng Phú     | 15          | 97      | 3.57    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2402931 | Lý Minh Thuận        | 15          | 100     | 3.46    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.953.600 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>420. Lớp: TN2484A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2402942 | Nguyễn Tuấn Anh      | 15          | 88      | 3.75    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2402968 | Đào Gia Minh         | 13          | 93      | 3.62    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2402983 | Lê Hoàng Thịnh       | 14          | 95      | 3.61    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>30.170.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.747.200 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>421. Lớp: TN24B1A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405168 | Đoàn Văn Hiền        | 15          | 88      | 3.73    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2405171 | Đặng Quốc Huy        | 15          | 81      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2405180 | Nguyễn Lê Phúc Khang | 16          | 95      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 4                                                 | B2405184 | Nguyễn Đăng Khoa     | 12          | 85      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 5                                                 | B2405189 | Hồ Tuấn Minh         | 15          | 80      | 3.43    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 6                                                 | B2405215 | Nguyễn Hoàng Qui     | 14          | 95      | 3.54    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>54.300.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 51.272.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>422. Lớp: TN24B2A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405267 | Bùi Chánh Hồng Ngọc  | 14          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2405287 | Phan Ngọc Vui        | 13          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>423. Lớp: TN24B3A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405302 | Châu Vĩnh Huy        | 15          | 100     | 3.82    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2405313 | Đặng Phan Nhật Minh  | 15          | 97      | 3.89    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên               | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|-------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>424. Lớp: TN24B3A2</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405338 | Nguyễn Thị Hồng Cẩm     | 13          | 91      | 3.96    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2405369 | Bùi Minh Quân           | 15          | 100     | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>425. Lớp: TN24D5A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405712 | Trương Thanh Huy        | 14          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2405741 | Lâm Thị Ngọc Thương     | 14          | 92      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2405746 | Nguyễn Hà Bảo Trân      | 17          | 95      | 3.91    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.763.200 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>426. Lớp: TN24D5A2</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405773 | Phùng Thị Lại           | 13          | 97      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2405778 | Trần Gia Lưu            | 15          | 93      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2405788 | Hồ Trọng Phúc           | 15          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>427. Lớp: TN24S3A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2406254 | Trần Quốc Cường         | 16          | 90      | 3.84    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2406266 | Lâm Triệu Hiền          | 12          | 97      | 3.73    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2406286 | Trần Hữu Nhân           | 14          | 90      | 3.85    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2406306 | Nguyễn Minh Thuận       | 12          | 91      | 3.73    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>428. Lớp: TN24S7A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2406341 | Nguyễn Phước Kiệt       | 13          | 85      | 3.65    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2406356 | Võ Kiều Quyển Quyển     | 13          | 94      | 3.73    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2406369 | Mai Bảo Hoàng Uyên      | 13          | 88      | 3.62    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>28.660.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.556.800 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>429. Lớp: TN24S7A2</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2406386 | Phạm Chí Hiếu           | 13          | 91      | 3.58    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2406401 | Hồ Minh Nhí             | 13          | 92      | 3.46    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2406404 | Nguyễn Hồ Hồng Phúc     | 13          | 88      | 3.69    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.350.400 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>430. Lớp: TN24T1A1</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2406662 | Nguyễn Hùng Cường       | 13          | 84      | 2.96    | Khá               | 7.540.000         |         |
| 2                                                 | B2406681 | Nguyễn Hoàng Phương Hoa | 13          | 93      | 3.38    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2406732 | Trần Chánh Thi          | 13          | 90      | 3.08    | Khá               | 7.540.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                         |             |         |         |                   | <b>24.130.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.540.800 đồng</b> |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>431. Lớp: TN24T1A2</b>                         |          |                         |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2406667 | Tô Chí Đàm              | 16          | 86      | 3.7     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2406699 | Bùi Đại Lợi             | 13          | 97      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên           | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|---------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 3                                                 | B2406712 | Phạm Hoàng Thảo Nhi | 12          | 97      | 3.46    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>432. Lớp: TN24T4A1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2406859 | Lê Chí Bảo          | 12          | 95      | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2406864 | Nguyễn Trung Bình   | 14          | 90      | 3.69    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2406884 | Nguyễn Khải Minh    | 12          | 97      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.350.400 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>433. Lớp: TN24T5A1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2406915 | Trần Hữu Bằng       | 12          | 100     | 3.64    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2406924 | Lê Minh Hải         | 12          | 93      | 3.82    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2406948 | Nguyễn Phước Sang   | 12          | 92      | 3.64    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>434. Lớp: TN24T5A2</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2406968 | Đỗ Dũ Bằng          | 12          | 81      | 4       | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2406977 | Trần Nguyễn Gia Hào | 12          | 86      | 4       | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2407015 | Ngô Quang Vinh      | 14          | 95      | 3.62    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>28.660.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.953.600 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>435. Lớp: TN24T5F1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2407019 | Nguyễn Trần Gia Bảo | 12          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2407039 | Trịnh Hoàng Khải    | 15          | 85      | 3.71    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>24.310.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.928.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>436. Lớp: TN24T6A1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2407102 | Nguyễn Minh Khánh   | 13          | 95      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2407150 | Trần Châu Tuấn      | 12          | 93      | 3.73    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>437. Lớp: TN24T6A2</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2407142 | Phạm Hữu Thịnh      | 13          | 97      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2407147 | Trần Quốc Toàn      | 12          | 97      | 3.59    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>19.610.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>438. Lớp: TN24T7A1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2407200 | Nguyễn Minh Quân    | 15          | 96      | 3.63    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2407206 | Võ Tuấn Thanh       | 15          | 85      | 3.83    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2407209 | Nguyễn Hoàng Thiện  | 15          | 100     | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2407211 | Võ Tuấn Thơm        | 13          | 91      | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>40.730.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 37.398.400 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>439. Lớp: TN24T7A2</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2407242 | Phạm Gia Huy        | 16          | 91      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2407252 | Trương Hoàng Khôi   | 15          | 90      | 3.71    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên           | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|---------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 3                                                 | B2407285 | Nguyễn Mạnh Tường   | 14          | 93      | 3.64    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>440. Lớp: TN24T7A3</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2407320 | Huỳnh Tuấn Kiệt     | 14          | 90      | 3.58    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2407322 | Nguyễn Long         | 12          | 97      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2407341 | Trần Đức Thành      | 14          | 86      | 3.39    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 4                                                 | B2407355 | Nguyễn Trí Vũ       | 15          | 96      | 3.57    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>36.200.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.176.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>441. Lớp: TN24T7F1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2407370 | Nguyễn Thành Đăng   | 13          | 85      | 3.69    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| 2                                                 | B2407426 | Nguyễn Quốc Thái    | 13          | 86      | 3.54    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| 3                                                 | B2407450 | Mạnh Văn Vẹn        | 13          | 86      | 3.69    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>33.660.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.416.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>442. Lớp: TN24T7F2</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2407407 | Nguyễn Chí Nguyên   | 13          | 97      | 3.5     | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| 2                                                 | B2407421 | Đỗ Hữu Tài          | 13          | 85      | 3.77    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| 3                                                 | B2407430 | Nguyễn Thành Thông  | 13          | 83      | 3.77    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>33.660.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>443. Lớp: TN24T8A1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2407456 | Nguyễn Ngọc Vân Anh | 14          | 92      | 3.15    | Khá               | 7.540.000         |         |
| 2                                                 | B2407458 | Thái Thị Huyền Anh  | 14          | 95      | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2407465 | Phù Khã Dương       | 12          | 82      | 2.95    | Khá               | 7.540.000         |         |
| 4                                                 | B2407514 | Lê Phạm Thảo Vy     | 14          | 92      | 3.19    | Khá               | 7.540.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>33.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>444. Lớp: TN24V6A1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2408629 | Trần Anh Kiệt       | 13          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2408645 | Võ Tiến Sĩ          | 16          | 98      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2408656 | La Mai Trâm         | 15          | 90      | 3.79    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 34.382.400 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>445. Lớp: TN24V6A2</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2408687 | Liêu Quốc Khiêm     | 13          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2408694 | Nguyễn Kim Ngân     | 13          | 95      | 3.79    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2408698 | Võ Lư Ái Nhi        | 12          | 93      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.176.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>446. Lớp: TN24V6F1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2408730 | Huỳnh Hoa           | 12          | 100     | 3.63    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2408764 | Phạm Thị Minh Thu   | 12          | 92      | 3.71    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.180.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên           | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|---------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>447. Lớp: TN24Y8A1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2410530 | Châu Thế Anh        | 14          | 97      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2410536 | Phan Quốc Bảo       | 17          | 90      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2410568 | Trương Phi Long     | 12          | 92      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2410590 | Đoàn Thảo           | 14          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 44.636.800 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>448. Lớp: TN24Y8F1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2410598 | Đinh Kiến Trọng     | 16          | 90      | 3.75    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| 2                                                 | B2410610 | Võ Nam Anh          | 15          | 92      | 3.86    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>26.180.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>449. Lớp: TS2213A1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200329 | Ngô Thị Như Huỳnh   | 12          | 80      | 3.25    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2200350 | Đặng Uyên Phương    | 13          | 84      | 3.54    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2200355 | Võ Ngọc Đan Thanh   | 13          | 88      | 3.62    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.540.800 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>450. Lớp: TS2213A2</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200371 | Trần Thị Kim Anh    | 13          | 93      | 3.73    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2200397 | Văn Tự Nguyễn       | 13          | 91      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>451. Lớp: TS2213A3</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200434 | Nguyễn Kim Huyền    | 12          | 97      | 3.75    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2200447 | Trần Lâm Trúc Ngân  | 14          | 100     | 3.93    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2200470 | Trần Thị Bích Tuyền | 14          | 98      | 3.86    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.144.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>452. Lớp: TS2213A4</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200480 | Trần Khánh Duy      | 12          | 91      | 3.58    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2200490 | Nguyễn Vũ Khang     | 13          | 71      | 3.58    | Khá               | 7.540.000         |         |
| 3                                                 | B2200502 | Nguyễn Bình Nguyên  | 12          | 75      | 3.67    | Khá               | 7.540.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>24.130.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>453. Lớp: TS2213T1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200532 | Nguyễn Chí Bảo      | 18          | 88      | 3.28    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>11.220.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 11.220.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>454. Lớp: TS2213T2</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2200565 | Huỳnh Ngọc Thuận    | 20          | 71      | 3       | Khá               | 9.350.000         |         |
| 2                                                 | B2200580 | Phạm Thị Cẩm Tú     | 20          | 65      | 3.17    | Khá               | 9.350.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                     |             |         |         |                   | <b>18.700.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 14.212.000 đồng</b> |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>455. Lớp: TS2276A1</b>                         |          |                     |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202814 | Thạch Quý Chäte     | 16          | 69      | 3.13    | Khá               | 7.540.000         |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên            | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 2                                                 | B2202830 | Đỗ Thị Hồng Ngân     | 12          | 69      | 3.14    | Khá               | 7.540.000         |         |
| 3                                                 | B2202834 | Võ Thị Kim Ngọc      | 12          | 67      | 2.58    | Khá               | 7.540.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>22.620.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>456. Lớp: TS2276A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202880 | Trần Bích Ngọc       | 13          | 93      | 3.83    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2202882 | Nguyễn Thị Mỹ Nhân   | 12          | 93      | 3.83    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.905.600 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>457. Lớp: TS2282A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202975 | Hoàng Việt Anh       | 12          | 90      | 3.83    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2203003 | Nguyễn Hoàng Linh    | 12          | 86      | 4       | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2203010 | Nguyễn Thị Thảo Ngân | 12          | 90      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>30.170.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 32.572.800 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>458. Lớp: TS2282A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2203074 | Phan Mộng Kiều       | 12          | 90      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2203079 | Nguyễn Mỹ Mỹ         | 12          | 92      | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2203080 | Trần Ngô Xuân Mỹ     | 12          | 90      | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 33.779.200 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>459. Lớp: TS2313A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2300345 | Nguyễn Nhật Hào      | 17          | 93      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2300354 | Đỗ Ngọc Dương Khang  | 18          | 93      | 3.94    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2300366 | Nguyễn Minh Lợi      | 13          | 100     | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2300384 | Trần Duy Phát        | 16          | 91      | 3.84    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 39.811.200 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>460. Lớp: TS2313A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2300422 | Trần Gia Đạt         | 13          | 97      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2300449 | Lương Tuấn Minh      | 13          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2300460 | Phạm Thị Nhớ         | 15          | 91      | 3.73    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2300485 | Lê Thị Bích Trâm     | 15          | 95      | 3.87    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>461. Lớp: TS2313A3</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2300502 | Nguyễn Thị Anh Đào   | 15          | 92      | 3.6     | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2300543 | Phạm Minh Nhựt       | 15          | 100     | 3.69    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2300557 | Phan Thiên Thiên     | 13          | 93      | 3.85    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2300561 | Nguyễn Ngọc Anh Thư  | 16          | 96      | 3.8     | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 37.398.400 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>462. Lớp: TS2313A4</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2300603 | Văn Quốc Kiệt        | 15          | 95      | 3.8     | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2300620 | Danh Thị Yến Nhi     | 13          | 94      | 3.62    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2300636 | Nguyễn Tấn Thành     | 13          | 90      | 3.69    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên            | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>31.680.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 35.588.800 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>463. Lớp: TS2313T1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306480 | Trần Lê Kim Hoàng    | 18          | 91      | 3.68    | Xuất sắc          | 13.090.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>13.090.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.204.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>464. Lớp: TS2376A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2303129 | Đỗ Thị Thúy Quyền    | 12          | 98      | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2303143 | Lương Phương Tường   | 12          | 94      | 3       | Khá               | 7.540.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>18.100.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.302.400 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>465. Lớp: TS2376A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2303167 | Đặng Thanh Phong     | 13          | 98      | 3.92    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2303184 | Nguyễn Công Vinh     | 12          | 100     | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.508.800 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>466. Lớp: TS2382A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2303265 | Huỳnh Thị Thùy Dương | 16          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2303277 | Trần Quốc Khanh      | 13          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2303318 | Nguyễn Thị Minh Thùy | 17          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2303333 | Biện Thị Tường Vy    | 15          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>467. Lớp: TS2382A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2303340 | Nguyễn Quốc Bảo      | 13          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2303351 | Lê Thị Thùy Dương    | 17          | 90      | 3.88    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2303379 | Trần Kim Ngân        | 17          | 98      | 3.94    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2303412 | Mai Thuận Triều      | 13          | 90      | 3.83    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 44.033.600 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>468. Lớp: TS23S2A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2304507 | Phạm Thị Điễm        | 15          | 96      | 3.71    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2304508 | Hà Thị Ngọc Hân      | 15          | 98      | 3.71    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>21.120.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>469. Lớp: TS23S2A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2304565 | Sơn Trung Hiếu       | 16          | 95      | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2304570 | Hồ Hoàng Kha         | 16          | 83      | 3.77    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>19.610.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>470. Lớp: TS2413A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400608 | Phan Trường Đạt      | 16          | 87      | 3.2     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2400627 | Lê Tuấn Khôi         | 12          | 93      | 3.59    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2400631 | Trần Nhật Linh       | 13          | 79      | 3.32    | Khá               | 7.540.000         |         |
| 4                                                 | B2400674 | Ngô Triệu Vy         | 12          | 86      | 3.27    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>34.690.000</b> |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 37.398.400 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>471. Lớp: TS2413A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400682 | Phan Thiện Chương      | 13          | 95      | 3.64    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2400695 | Phan Thị Kim Hân       | 14          | 96      | 3.62    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2400700 | Dương Thanh Khang      | 16          | 91      | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2400753 | Trần Chí Vĩ            | 14          | 91      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 40.414.400 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>472. Lớp: TS2413A3</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400783 | Nguyễn Hoàng Khánh     | 17          | 88      | 3.87    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2400801 | Nguyễn Khánh Nguyên    | 15          | 90      | 3.42    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2400827 | Nguyễn Bảo Trọng       | 15          | 92      | 3.42    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 4                                                 | B2400833 | Hồ Khánh Vy            | 16          | 84      | 3.54    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>36.200.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>473. Lớp: TS2413A4</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400842 | Lê Bùi Ngọc Diễm       | 13          | 100     | 3.32    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2400853 | Trần Ngọc Hân          | 16          | 90      | 3.81    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2400887 | Trương Hoài Phú        | 14          | 95      | 3.35    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 4                                                 | B2400901 | Nguyễn Lâm Khang Tính  | 14          | 96      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>39.220.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>474. Lớp: TS2413T1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2400915 | Lê Hoài Bảo            | 14          | 85      | 3.79    | Giỏi              | 11.220.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>11.220.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 5.984.000 đồng</b>  |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>475. Lớp: TS2476A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2404224 | Huỳnh Thị Phương Quyên | 16          | 90      | 3.73    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 2                                                 | B2404226 | Nguyễn Thanh Tâm       | 13          | 90      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 3                                                 | B2404244 | Huỳnh Minh Toàn        | 14          | 90      | 3.81    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| 4                                                 | B2404254 | Nguyễn Quốc Vinh       | 13          | 90      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>42.240.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 40.414.400 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>476. Lớp: TS2482A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2404347 | Nguyễn Quốc Hào        | 13          | 85      | 3.38    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2404363 | Võ Hoài Nghi           | 14          | 82      | 3.27    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2404384 | Lâm Thị Như Tuyết      | 13          | 82      | 3.33    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>477. Lớp: TS2482A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2404401 | Đỗ Trần Bảo Hân        | 14          | 93      | 3.23    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2404420 | Nguyễn Hiếu Nhân       | 14          | 98      | 3.38    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2404443 | Huỳnh Thị Như Ý        | 15          | 77      | 3.43    | Khá               | 7.540.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>25.640.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 26.540.800 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>478. Lớp: TS2482A3</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên            | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| 1                                                 | B2404452 | Phạm Thành Đạt       | 16          | 91      | 3.3     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2404466 | Nguyễn Thành Luân    | 16          | 93      | 3.5     | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 3                                                 | B2404469 | Huỳnh Thị Kim Ngân   | 12          | 91      | 3.42    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>27.150.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 27.144.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>479. Lớp: TS24S2A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2406162 | Nguyễn Hoài Linh     | 12          | 88      | 3.82    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2406183 | Nguyễn Thị Mai Thi   | 13          | 90      | 3.67    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>19.610.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>480. Lớp: TS24S2A2</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2406197 | Nguyễn Văn An        | 12          | 82      | 3.32    | Giỏi              | 9.050.000         |         |
| 2                                                 | B2406227 | Nguyễn Mộng Nghi     | 12          | 91      | 3.77    | Xuất sắc          | 10.560.000        |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>19.610.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>481. Lớp: HG23W8A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307474 | Trang Hồng Duyên     | 15          | 93      | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2307513 | Võ Anh Thư           | 15          | 83      | 3.86    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>17.160.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.896.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>482. Lớp: HG24N2A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405978 | Lê Thị Trúc Ly       | 14          | 90      | 3.79    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2405994 | Nguyễn Thanh Thu     | 14          | 100     | 3.71    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 17.424.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>483. Lớp: ML22U3A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205046 | Nguyễn Gia Huy       | 13          | 100     | 3.81    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2205071 | Nguyễn Lâm Anh Thư   | 13          | 94      | 3.69    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 15.840.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>484. Lớp: ML22V9A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206091 | Lê Anh Duy           | 14          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2206117 | Trần Hồng Thảo       | 12          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.480.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>485. Lớp: ML22X4A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2207013 | Phạm Văn Bách        | 12          | 80      | 3.58    | Giỏi              | 7.550.000         |         |
| 2                                                 | B2207022 | Nguyễn Huỳnh Khả Hân | 14          | 85      | 3.71    | Giỏi              | 7.550.000         |         |
| 3                                                 | B2207066 | Huỳnh Thảo Vy        | 15          | 92      | 3.61    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>23.910.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 23.650.400 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>486. Lớp: ML23U3A1</b>                         |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2305677 | Nguyễn Thị Vân Anh   | 12          | 100     | 3.64    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2305722 | Lê Cao Vy            | 12          | 83      | 3.27    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                      |             |         |         |                   | <b>17.160.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng</b> |          |                      |             |         |         |                   |                   |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>487. Lớp: ML23V9A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2306775 | Võ Tuyết Nghi          | 15          | 100     | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2306795 | Huỳnh Anh Tuấn         | 15          | 100     | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2306799 | Nguyễn Hoàng Nhật Vy   | 14          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>488. Lớp: ML23X4A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307739 | Trần Thị Ngọc Trang    | 19          | 100     | 3.84    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>8.810.000</b>  |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 12.580.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>489. Lớp: ML24U3A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2407734 | Trần Hà My             | 14          | 100     | 3.75    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2407746 | Lê Thị Tuyết Phượng    | 17          | 100     | 3.41    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>17.160.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>490. Lớp: ML24U3A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2407776 | Nguyễn Đăng Khôi       | 14          | 100     | 3.32    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 2                                                 | B2407784 | Nguyễn Huỳnh Như Ngọc  | 12          | 87      | 3.46    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 3                                                 | B2407809 | Phạm Ngọc Thảo Xuân    | 13          | 98      | 3.27    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>23.760.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>491. Lớp: ML24V9A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409112 | Cao Thị Kim Lộc        | 14          | 98      | 3.65    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2409141 | Huỳnh Thị Yến Vy       | 13          | 100     | 3.67    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>492. Lớp: ML24V9A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409165 | Nguyễn Thị Ngọc Mỹ     | 18          | 87      | 3.56    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 2                                                 | B2409193 | Lê Thị Thảo Vy         | 14          | 97      | 3.36    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>15.840.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.896.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>493. Lớp: ML24X4A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2410097 | Phạm Nguyễn Khánh Bằng | 15          | 98      | 3.82    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 2                                                 | B2410137 | Hồ Minh Tiến           | 12          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| 3                                                 | B2410142 | Lâm Ngọc Tuyết         | 15          | 93      | 3.68    | Xuất sắc          | 8.810.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.430.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 22.644.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>494. Lớp: XH2280A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2202904 | Nguyễn Phạm Thu An     | 12          | 90      | 3.58    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 2                                                 | B2202919 | Nguyễn Thị Thu Hằng    | 14          | 87      | 3.58    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| 3                                                 | B2202961 | Thị Bảo Trân           | 13          | 81      | 3.62    | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>23.760.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.816.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>495. Lớp: XH22U4A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2205168 | Võ Thị Bích Trân       | 13          | 75      | 3.81    | Khá               | 6.600.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>6.600.000</b>  |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên              | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|------------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 18.480.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>496. Lớp: XH22W7A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206607 | Huỳnh Minh Châu        | 13          | 99      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2206634 | Phan Vĩnh Tấn          | 16          | 97      | 3.69    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.008.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>497. Lớp: XH22W7A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206669 | Phạm Hoan Nhiệm        | 12          | 90      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2206679 | Nguyễn Thị Thủy Tiên   | 12          | 100     | 3.83    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>498. Lớp: XH22W8A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206701 | Võ Thị Bích Kiều       | 13          | 93      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2206722 | Võ Thị Tuyết Thương    | 13          | 93      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>499. Lớp: XH22W8A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2206733 | Đinh Thị Lan Anh       | 13          | 93      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2206736 | Võ Văn Chiêu           | 13          | 93      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2206749 | Nguyễn Ram Ly          | 13          | 86      | 4       | Giỏi              | 7.920.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>26.400.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>500. Lớp: XH2380A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2303186 | Nguyễn Mỹ An           | 18          | 93      | 3.65    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2303223 | Huỳnh Kim Thiên Thanh  | 18          | 100     | 3.75    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | C2300101 | Lê Diễm Nhi            | 18          | 93      | 3.67    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 28.512.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>501. Lớp: XH23U4A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2305743 | Nguyễn Huỳnh Tuyết Nga | 15          | 99      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2305744 | Lê Nguyễn Ngọc Ngân    | 16          | 93      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 16.368.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>502. Lớp: XH23U4A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2305779 | Trần Thị Như Huỳnh     | 15          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2305785 | Phạm Thị Trúc Mi       | 14          | 99      | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 19.008.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>503. Lớp: XH23W7A1</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307299 | Lý Thị Tuyết Hoa       | 15          | 100     | 3.82    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2307327 | Huỳnh Điền Trăn        | 15          | 100     | 3.86    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                        |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng</b> |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>504. Lớp: XH23W7A2</b>                         |          |                        |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307347 | Phan Thị Ngọc Kiều     | 15          | 98      | 3.86    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2307352 | Huỳnh Khánh Ngọc       | 13          | 95      | 3.88    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |

| Stt                                               | Mã SV    | Họ và tên             | TC thực học | Điểm RL | Điểm TB | Xếp loại học bổng | HBKK (đồng/HK)    | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|----------|-----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>505. Lớp: XH23W8A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307385 | Trần Thị Bích Huyền   | 14          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2307390 | Châu Thị Bích Loan    | 15          | 100     | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>506. Lớp: XH23W8A2</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2307422 | Lê Hoàng Bảo          | 17          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2307448 | Lư Thị Hồng Phụng     | 14          | 99      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>18.480.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>507. Lớp: XH2480A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2404294 | Phan Kim Ngân         | 13          | 95      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2404316 | Trần Thị Thanh Thảo   | 14          | 94      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2404317 | Huỳnh Lê Anh Thơ      | 13          | 100     | 3.83    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 32.208.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>508. Lớp: XH24N1A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405855 | Lê Thị Mộng Cầm       | 15          | 99      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2405862 | Trần Văn Đệ           | 12          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2405871 | Nguyễn Trung Hiếu     | 12          | 100     | 3.86    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.624.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>509. Lớp: XH24N2A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2405940 | Lê Phan Ngọc Nhi      | 13          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2405961 | Phạm Kim Phương Vy    | 15          | 100     | 3.93    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2405963 | Nguyễn Thị Kim Yên    | 15          | 100     | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 24.288.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>510. Lớp: XH24U4A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2407828 | Vũ Mai Khánh Linh     | 13          | 100     | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2407829 | Lâm Thị Mỹ Ly         | 14          | 96      | 3.92    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2407871 | Trần Diễm Thy         | 14          | 95      | 4       | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>27.720.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 30.096.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| <b>511. Lớp: XH24W7A1</b>                         |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |
| 1                                                 | B2409821 | Nguyễn Vĩ Lộc         | 14          | 96      | 3.77    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 2                                                 | B2409834 | Nguyễn Trần Thoại Như | 12          | 95      | 3.73    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 3                                                 | B2409835 | Trần Thị Huỳnh Như    | 14          | 100     | 3.65    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| 4                                                 | B2409872 | Trà Văn Ý             | 16          | 93      | 3.73    | Xuất sắc          | 9.240.000         |         |
| <b>Cộng lớp:</b>                                  |          |                       |             |         |         |                   | <b>36.960.000</b> |         |
| <b>Quỹ học bổng khuyến khích: 35.376.000 đồng</b> |          |                       |             |         |         |                   |                   |         |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**